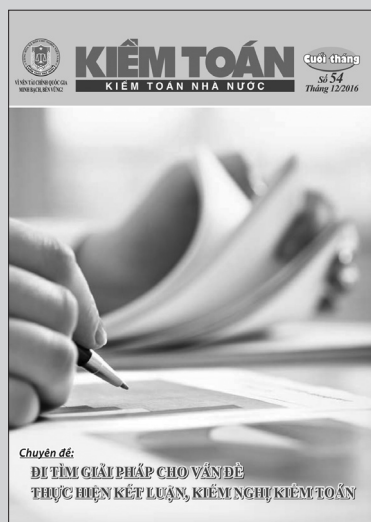




TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thắng

ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Hồng Công

Mai Hải Đường

TRỤ SỞ

68 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội

Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn

ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN

Báo Kiểm toán 2601 0000 056239

NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN

Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012

của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI

Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ



KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 54 - Tháng 12/2016

MỤC LỤC

CHÀO MỪNG NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (22/12/1944 - 22/12/2016)

Văn Hùng	Phẩm chất "Bộ đội cụ Hồ"	2
----------	--------------------------	---

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Hoàng Quang Hàm	Nền móng đã được đặt, cần có định hướng phù hợp cho chặng đường tiếp theo	4
-----------------	---	---

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Đinh Hiền	Cổ phần hóa DNNN - cuộc chiến khốc liệt	8
Thùy Anh	Thu ngân sách từ thuế xuất nhập khẩu gặp khó: Tại sao?	11
Bắc Sơn	Quản lý sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế: Nhiều công cụ kiểm soát nhưng chưa hiệu quả	13
Hồng Nhung	Phát triển năng lượng tái tạo: Cơ chế giá chưa hấp dẫn nhà đầu tư	17

CHUYÊN ĐỀ: ĐI TÌM GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

Phạm Ngọc Tuấn	Những giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán	20
Nguyễn Hương Thảo	Chất lượng thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán - Hạn chế và giải pháp khắc phục	23
Trần Thị Lệ Hằng	Cần có chế tài đối với việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN	25
Vương Đình Thạch	Một số kinh nghiệm trong công tác kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán	27

TRAO ĐỔI

Trịnh Minh Thắng	Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối và doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối - sự khác biệt cơ bản	29
------------------	---	----

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Thùy Lê	Kết quả kiểm toán Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Đầu tư nhiều nhưng kém hiệu quả	32
---------	---	----

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Hà Minh Trung	Canada: Kiểm toán mua máy bay F35 - Cuộc kiểm toán hoạt động hiệu quả	35
---------------	---	----

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

* * *	Trang thơ	37
-------	-----------	----

TỔNG MỤC LỤC ĐẶC SAN BÁO KIỂM TOÁN NĂM 2016

CHÀO MỪNG NGÀY THÀNH LẬP
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
(22/12/1944 - 22/12/2016)

Phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ”

 **VĂN HÙNG**



Hoà bình vẫn là xu thế chủ đạo của thế giới hội nhập, nhưng thực tế cho thấy, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, uy hiếp nhau bằng vũ lực đã và đang diễn ra ở không ít quốc gia, lãnh thổ. Bởi rất nhiều lý do, nhân loại nhiều thế kỷ nay vẫn còn đang phải trải qua, chứng kiến những chết chóc, đau thương bởi hành động đi ngược lại xu thế thời đại, đi ngược những ước mong của mỗi người về một thế giới hoà bình. Bởi tham vọng mở rộng lãnh thổ, xâm lăng kinh tế, văn hoá bằng quyền lực mềm, bằng chiến tranh phi vũ trang hoặc kết hợp với các hoạt động quân sự khiến không ít người dân ở một số dân tộc, quốc gia còn phải đắm chìm trong bom đạn, chết chóc, đói nghèo, kiệt quệ. Khủng bố, bắt cóc con tin vẫn là cuộc chiến chưa có hồi kết. Mối đe dọa ấy luôn rình rập, lan rộng sang cả những quốc gia vốn được coi là thanh bình của thế giới. Cuộc đấu tranh để đẩy lui cái ác, cái xấu mang tính nhân loại, toàn cầu còn quá nhiều cam go, kéo dài từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Trong hoàn cảnh ấy, đất nước ta luôn phải

chủ động chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, làm nòng cốt cùng toàn dân tộc giữ vững nền độc lập tự do của mình. Trong mọi hoàn cảnh, quân đội vẫn luôn là lực lượng chính trị, quân sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân để đất nước yên bình mãi mãi. “Bộ đội Cụ Hồ” là cách gọi thân thương mà người dân đã dành tặng cho những người tham gia quân ngũ. Để có được hình ảnh đẹp đẽ ấy, cán bộ, chiến sĩ phải phấn đấu, rèn luyện liên tục, thường xuyên thời chiến cũng như thời bình, lúc thuận lợi cũng như khó khăn, gian khổ.

Giữ gìn hình ảnh và phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” được xem là nhiệm vụ chính trị thiết yếu của quân đội ta. Thời gian qua, trên mạng xã hội xuất hiện những thông tin bất lợi về hình ảnh và phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Một số người đã đưa những hình ảnh phản cảm, lời bình ác ý phản ánh mặt tiêu cực ở một số trường hợp cá biệt cán bộ, chiến sĩ. Chúng khai thác thổi phồng, thậm chí bóp méo các thiếu sót, khuyết điểm từ những vụ việc của quân nhân

trong cuộc sống đời thường. Thậm chí chúng còn khai thác một vài hành vi, hình ảnh không đẹp của chiến sĩ khi họ đã xuất ngũ. Ít nhiều, thông tin ấy đã tác động tiêu cực đến suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của người dân với quân đội. Cơ chế thị trường, lối sống thời hội nhập, tư duy thực dụng, sống gấp, tư tưởng so sánh thiệt hơn bởi chủ nghĩa cá nhân trong đời sống hàng ngày cũng là thực tế len lỏi vào đời sống của cán bộ, chiến sĩ quân đội. Sự hy sinh phấn đấu, chấp nhận thiệt thòi, mất mát của những chiến sĩ thường xuyên được chuyển tải đến bạn đọc. Thông tin ấy sống động hơn, phong phú hơn, sâu sắc hơn thường vào lúc đất nước gặp khó khăn: bão lũ, thiên tai, dịch họa. Bộ đội giúp dân vượt qua những khó khăn bất thường ấy; cùng nhân dân xây dựng kinh tế, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới bảo vệ biên cương; vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, dấn thân vì lý tưởng cách mạng của bộ đội nơi vùng xa, vùng sâu, biên cương hải đảo... được xem là điểm nhấn, bằng chứng sinh động, thuyết phục mọi người về trách nhiệm, phẩm cách Bộ đội Cụ Hồ. Hình ảnh ấy cần phải được phản ánh chân thực, sâu sắc hơn nữa để nhân lên sức mạnh, lan toả và giữ vững lòng tin vào lực lượng vũ trang. Các thế lực thù địch, chống đối thường khai thác mặt hạn chế, tồn tại của lực lượng vũ trang kết hợp với chiến lược “phi chính trị hoá” quân đội, chia rẽ đoàn kết quân dân, xoá nhoà hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ, làm phai nhạt phẩm chất tốt đẹp của cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam. Vì thế, công tác truyền thông để đối ứng, bác bỏ luận điệu sai trái, thông tin bất lợi ấy là rất quan trọng. Đó phải là nhiệm vụ thường xuyên, linh hoạt, sáng tạo, đổi mới liên tục mới đạt hiệu quả mong muốn.

Tạo dựng hình ảnh là một quá trình, không gì bằng thực tế - hoạt động của bộ đội trong công tác, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Nhiều cán bộ, chiến sĩ chấp nhận hy sinh, thương vong trong thời bình là hình ảnh tuyệt vời về sự cống hiến cho lý tưởng cách mạng cao cả. Có được những hình ảnh đẹp, phẩm chất tốt đẹp ấy đã khó, giữ gìn, bảo vệ nó còn khó hơn nhiều. Đầu biết, có nơi, có lúc một bộ phận quân nhân đã vi phạm khuyết điểm, thậm chí là vi phạm pháp luật. Điều đó ít

nhiều cũng ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh anh bộ đội nhưng không thể làm suy giảm sức mạnh của quân đội. Bộ đội Cụ Hồ cũng là những con người bằng xương, bằng thịt; cuộc sống lao động, chiến đấu hàng ngày của họ cũng chịu những tác động xã hội. Vì thế những sự cố, lỗi lầm nếu có xảy ra cũng dễ hiểu, cần được chấp nhận và khắc phục. Môi trường quân đội đã và mãi là môi trường đặc biệt, rất tốt đẹp - là cái nôi trui rèn, “sản xuất” tạo ra sản phẩm chất lượng hoàn thiện cho quân đội - Bộ đội Cụ Hồ. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xét ở góc độ quân đội chính là xây dựng, phát huy, phát triển, giữ vững hình ảnh và phẩm chất của cán bộ, chiến sĩ quân đội để quân đội ngày một mạnh hơn, chính quy và hiện đại hơn nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị quan trọng mà Bác Hồ đã căn dặn, giáo dục. Phẩm chất ấy, hình ảnh ấy được gói trọn trong những lời nói giản dị, gọn ghẽ, mộc mạc, dễ hiểu, dễ nhớ: “Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Đảng, Nhà nước, Quân đội tin cậy giao phó cho “Bộ đội Cụ Hồ” trọng trách lịch sử về vang bảo vệ, giữ gìn nền độc lập, tự do của đất nước. Song, để hoàn thành được sứ mạng lịch sử cao cả ấy, phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo, chăm lo của Đảng, Nhà nước, sự yêu thương, che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng của người dân; phải có sự theo dõi, giám sát, giúp đỡ thường xuyên của toàn xã hội; nói rộng hơn là phải có sự dõi theo của cả hệ thống chính trị và báo chí. Xây dựng quân đội nhân dân thời bình để đáp ứng với mọi tình huống bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, quốc gia; xây dựng hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” phù hợp với hoàn cảnh của từng giai đoạn lịch sử là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng. Chỉ cần làm đúng những điều Bác Hồ căn dặn, truyền lại, thì nhất định thành công. Phẩm chất tốt đẹp làm nên sức mạnh. Chăm lo giáo dục, trui rèn để quân đội có đủ sức mạnh, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình là mệnh lệnh của cuộc sống, là trách nhiệm của những người trực tiếp quản lý quân đội dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát và giúp đỡ của nhân dân.■

Nền móng đã được đặt, cần có định hướng phù hợp cho chặng đường tiếp theo

Ông Hoàng Quang Hàm, Ủy viên thường trực Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội trả lời phỏng vấn Báo Kiểm toán về kiểm toán dự toán ngân sách nhà nước.

Được biết khi còn là một kiểm toán viên của Kiểm toán Nhà nước, ông đã luôn trăn trở với vấn đề kiểm toán dự toán ngân sách nhà nước. Cho đến hôm nay, dù đã ở vị trí công tác mới, ông vẫn luôn nhấn mạnh đến nội dung kiểm toán này tại các cuộc hội thảo. Vậy thưa ông, việc kiểm toán dự toán ngân sách nhà nước thực sự có vai trò như thế nào?

Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) là khâu đầu tiên trong chu trình ngân sách. Dự toán NSNN có chất lượng sẽ đảm bảo cho việc quản lý, điều hành và sử dụng NSNN tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu chi tiêu của nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc kiểm toán dự toán NSNN trước khi trình Quốc hội đóng một vai trò hết sức quan trọng:

Thứ nhất, kết quả kiểm toán dự toán NSNN là căn cứ quan trọng để Quốc hội quyết định dự toán NSNN đảm bảo chất lượng, nhờ đó Chính phủ có cơ sở pháp lý để điều hành thu, chi ngân sách, phát huy vai trò của NSNN. Ý nghĩa này xuất phát từ vị trí, vai trò của dự toán NSNN trong chu trình ngân sách.

Thứ hai, kiểm toán dự toán NSNN nhằm đảm bảo cho dự toán NSNN được một cơ quan



chuyên môn độc lập kiểm tra, đánh giá và tư vấn cho Quốc hội quyết định dự toán NSNN. Ý nghĩa này xuất phát từ đặc điểm dự toán NSNN là một văn bản mang tính kỹ thuật cao, quy trình lập rất phức tạp, không phải ai cũng xem xét được, cơ quan nào cũng kiểm tra được.

Thứ ba, kiểm toán dự toán NSNN để dự toán NSNN đảm bảo tính khách quan, trung thực, sát thực và hợp lý; dự báo đúng tình hình thu, chi ngân sách của năm kế hoạch... Ý nghĩa này xuất phát từ vai trò, vị trí của KTTN là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân thủ pháp luật, thực hiện kiểm tra tài chính, tài sản công.

Đối với kiểm toán dự toán NSNN thì quy trình và các loại hình kiểm toán có sự khác biệt như thế nào so với kiểm toán báo cáo quyết toán, kiểm toán doanh nghiệp, dự án đầu tư..., thưa ông?

Dự toán NSNN có nhiều đặc trưng ảnh hưởng đến tổ chức kiểm toán dự toán.

Thứ nhất, cơ quan lập dự toán NSNN là cơ quan sử dụng dự toán NSNN để điều hành ngân sách (Chính phủ lập dự toán trình Quốc hội và Chính phủ sử dụng dự toán NSNN được Quốc hội quyết định để điều hành NSNN); *Thứ hai*, lập dự toán NSNN rất phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị;

Thứ ba, dự toán NSNN là văn bản pháp lý đồng thời là văn bản chuyên môn mang tính kỹ thuật cao; *Thứ tư*, dự toán NSNN chỉ được coi là hoàn thành khi đã được Quốc hội quyết định; *Thứ năm*, các báo cáo về dự toán ngân sách là số liệu, tình hình về dự toán NSNN không phải là các báo cáo quyết toán tài chính, ngân sách. Đồng thời, kiểm toán dự toán NSNN thực chất là hoạt động tiền kiểm và là kiểm toán việc dự kiến các khuôn khổ cho chính sách tài khóa nên quy trình và loại hình kiểm toán có những đặc thù riêng so với kiểm toán báo cáo quyết toán, kiểm toán doanh nghiệp, dự án đầu tư... Cụ thể:

Về quy trình kiểm toán dự toán NSNN: Quy trình kiểm toán dự toán NSNN tuân thủ và phù hợp với quy trình kiểm toán của KTNN. Tuy nhiên, do đặc điểm của dự toán NSNN chỉ được coi là hoàn thành khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Quốc hội) quyết định nên quy trình kiểm toán dự toán NSNN chỉ có 3 giai đoạn (chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán) không có giai đoạn 4 “kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán”. Sở dĩ như vậy là do việc tham gia vào quá trình lập dự toán của KTNN được thực hiện trước khi Quốc hội quyết định dự toán NSNN và ý kiến tham gia của KTNN chủ yếu là tư vấn; việc sử dụng ý kiến của KTNN về dự toán NSNN thuộc thẩm quyền của Quốc hội, khi dự toán NSNN đã được Quốc hội quyết định thì dự toán NSNN sẽ trở thành văn bản pháp lý mà các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phải thi hành

như một đạo luật, kể cả đó là KTNN. Vì vậy, KTNN không cần hay không thể kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Về loại hình kiểm toán áp dụng trong kiểm toán dự toán NSNN: Khi kiểm toán dự toán NSNN, cơ quan KTNN chủ yếu dựa vào kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động, tuy nhiên, có áp dụng cả loại hình kiểm toán tài chính. Sở dĩ như vậy là vì:

Xuất phát từ những đặc trưng của dự toán NSNN nên chúng ta phải áp dụng kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán dự toán NSNN. Cụ thể: Dự toán NSNN là văn bản pháp lý đồng thời là văn bản mang tính kỹ thuật cao, nó được lập dựa vào các hướng dẫn lập của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời dự toán NSNN được lập dựa trên nhiều căn cứ nên phải tiến hành kiểm toán tuân thủ để có ý kiến về việc tuân thủ các quy định, hướng dẫn trong quá trình lập dự toán NSNN.

Báo cáo dự toán NSNN là số liệu, tình hình dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai; yêu cầu của các báo cáo dự toán là phải dự tính và thuyết minh được căn cứ tính cho các khoản thu, chi, thể hiện được định hướng của chính sách tài khóa, quan điểm quản lý điều hành ngân sách của năm kế hoạch và phải thể hiện các mục tiêu, nội dung phát triển kinh tế xã hội cho các năm tiếp theo đã được định hướng trong các kế hoạch trung hạn, dài hạn. Vì vậy, phải tiến hành kiểm toán hoạt động khi kiểm toán dự toán NSNN để có thể đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực khi sử

dụng dự toán để quản lý thu, chi và điều hành chính sách tài khóa năm sau.

Mặc dù các báo cáo về dự toán ngân sách chỉ là số liệu, tình hình dự kiến, không phải là báo cáo quyết toán NSNN để tổng kết tình hình thực hiện thu, chi ngân sách trong một năm và tổng kết một năm quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện chính sách tài khóa, tuy nhiên các báo cáo dự toán NSNN chứa đựng các thông tin tài chính nên việc kiểm toán dự toán NSNN cũng cần áp dụng kiểm toán tài chính kết hợp với kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.

Ông đánh giá như thế nào về thực trạng kiểm toán dự toán NSNN của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) trong thời gian qua?

KTNN rất muốn thực hiện kiểm toán dự toán NSNN để thực hiện đúng khoản 4 Điều 10 Luật Kiểm toán nhà nước, đó là "trình ý kiến của KTNN để Quốc hội xem xét, quyết định dự toán NSNN, quyết định phân bổ ngân sách trung ương, quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia". Từ năm 2006 đến nay, KTNN đã cử nhiều lượt kiểm toán viên tham gia thảo luận dự toán NSNN và phương án phân bổ NSTW. Kết quả thu được từ các buổi thảo luận cùng với những đánh giá, nhận xét về công tác lập, thực hiện dự toán khi kiểm toán quyết toán ngân sách các cấp được tổng hợp thành ý kiến của KTNN về dự toán NSNN. Tuy nhiên, đến năm 2016, KTNN mới gửi được ý kiến về dự toán NSNN năm 2017 cho Quốc hội và Đại biểu Quốc



hội, chất lượng mới là những kết quả bước đầu, chưa có nhiều ý kiến về dự toán NSNN. Như vậy, có thể nói KTNN chưa thực sự kiểm toán dự toán NSNN mà đang ở giai đoạn tìm hiểu, thực hiện những công việc đầu tiên để tiến tới kiểm toán dự toán NSNN một cách toàn diện, hiệu quả.

Những kết quả bước đầu để đặt nền móng cho việc kiểm toán dự toán NSNN thể hiện trên một số điểm:

Một, KTNN đã tạo lập được căn cứ pháp lý quan trọng để tiến hành tổ chức kiểm toán dự toán NSNN (đưa được nhiệm vụ trình Quốc hội ý kiến về dự toán NSNN vào Luật KTNN);

Hai, việc phân công nhiệm vụ, giao việc chuẩn bị ý kiến về dự toán NSNN thể hiện rõ ràng trong kế hoạch kiểm toán năm và trong Công văn giao nhiệm vụ của Tổng Kiểm toán Nhà nước cho các đơn vị trực thuộc; các đơn vị trực thuộc KTNN cũng đã bố trí nhân sự hợp lý để tham gia thảo luận dự toán NSNN với Bộ

Tài chính và chuẩn bị ý kiến về dự toán NSNN;

Ba, việc tổ chức thực hiện kiểm toán dự toán NSNN theo quy trình kiểm toán của KTNN tuy chưa bài bản, chuẩn mực, chưa có kế hoạch kiểm toán, báo cáo kiểm toán đầy đủ, đúng nghĩa nhưng một số nội dung công việc trong các bước của quy trình kiểm toán đã được tổ chức thực hiện;

Bốn, tuy chưa có định chế riêng cho kiểm soát chất lượng kiểm toán dự toán NSNN nhưng việc kiểm soát chất lượng kiểm toán vẫn được tiến hành thông qua các định chế chung của KTNN.

Tuy đã đạt được kết quả bước đầu nhưng tổ chức kiểm toán dự toán NSNN của KTNN còn những hạn chế, bất cập như:

►► Các quy định pháp luật để kiểm toán dự toán NSNN còn chưa chi tiết, cụ thể: thiếu quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của KTNN trong từng bước, từng khâu của quá trình lập,

thẩm định, quyết định dự toán NSNN; thiếu quy định về cung cấp thông tin và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị với KTNN trong quá trình kiểm toán dự toán NSNN;

►► KTNN chưa có bộ phận chuyên trách cũng như chưa quy định rõ các đơn vị trực thuộc KTNN có nhiệm vụ kiểm toán dự toán NSNN; đồng thời cũng chưa thành lập các đoàn, tổ kiểm toán dự toán NSNN để thuận lợi cho công tác chỉ đạo, quản lý KTV nâng cao chất lượng kiểm toán dự toán NSNN;

►► KTNN chưa ban hành được quy trình kiểm toán dự toán NSNN để tổ chức kiểm toán đầy đủ theo các bước của quy trình kiểm toán; chưa thực sự kiểm soát chất lượng kiểm toán một cách đầy đủ theo quy định về kiểm soát chất lượng kiểm toán.

Những bất cập, hạn chế trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Một là, còn thiếu các quy định pháp lý cụ thể, chi tiết để

KTNN tiến hành kiểm toán dự toán NSNN (đã trình bày ở trên);

Hai là, năng lực trình độ chuyên môn của KTV về kiểm toán dự toán NSNN còn hạn chế; kiểm toán dự toán NSNN đòi hỏi kiểm toán viên phải có năng lực trình độ chuyên môn cao, không những phải thành thạo về nghiệp vụ kiểm toán mà còn phải có hiểu biết sâu về tài chính, ngân sách ở tầm vĩ mô, hiểu biết sâu về các cân đối của nền kinh tế, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và đặc biệt phải có kiến thức về kinh tế - xã hội, có khả năng phân tích, tổng hợp... nhưng chất lượng đội ngũ của KTNN chưa đáp ứng được yêu cầu đó nên ảnh hưởng đến việc tổ chức kiểm toán dự toán NSNN;

Ba là, các quy định về chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán chưa đầy đủ và đồng bộ, nhất là các quy định, hướng dẫn về kiểm toán dự toán NSNN. Bên cạnh đó, cách thức tổ chức kiểm toán dự toán NSNN chưa hợp lý, KTNN chủ yếu chỉ tham gia thảo luận dự toán NSNN do Bộ Tài chính chủ trì mà chưa kiểm tra, xem xét việc lập, tổng hợp dự toán NSNN của các bộ, ngành, địa phương cũng như chưa thực sự kiểm tra dự toán của toàn bộ quốc gia do Bộ Tài chính tổng hợp, Chính phủ trình Quốc hội.

Từ thực trạng trên, ông có đề xuất gì để KTNN tổ chức thực hiện tốt hơn việc kiểm toán dự toán NSNN trong thời gian tới?

Để tổ chức kiểm toán dự toán NSNN đạt kết quả tốt, theo tôi, KTNN cần phải có định hướng phù hợp và triển khai tốt các giải pháp sau đây:

Về định hướng, trước mắt KTNN thực hiện kiểm toán dự toán NSNN trình Quốc hội quyết định, sau đó dần dần sẽ tham gia với các địa phương và các bộ, ngành khi xây dựng dự toán NSNN để có ý kiến đánh giá về dự toán NSNN. Về lâu dài, KTNN phải thực hiện kiểm toán toàn diện dự toán NSNN, bao gồm việc kiểm toán dự toán của các bộ, ngành, địa phương và kiểm toán dự toán NSNN tại các cơ quan tài chính tổng hợp của Chính phủ để có ý kiến toàn diện về dự toán NSNN.

KTNN cần gắn kết chặt chẽ giữa kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động và áp dụng kiểm toán tài chính khi tổ chức kiểm toán dự toán NSNN; tổ chức kiểm toán dự toán NSNN trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm các đơn vị trực thuộc của KTNN.

Để thực hiện tốt các định hướng trên, KTNN cần triển khai thực hiện các giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện cơ sở pháp lý để tổ chức kiểm toán dự toán NSNN, bao gồm việc hoàn thiện các căn cứ pháp lý để KTNN tham gia chi tiết, cụ thể vào quá trình lập, thẩm định, quyết định dự toán NSNN và tạo những căn cứ pháp lý để có đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến dự toán NSNN phục vụ công tác kiểm toán. Bên cạnh đó, KTNN cũng cần hoàn thiện hệ thống chuẩn mực, quy trình, hồ sơ, mẫu biểu để nâng cao chất lượng kiểm toán dự toán NSNN.

Hai là, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nhân sự để kiểm toán dự toán NSNN; cân nhắc việc thành lập bộ phận chuyên trách hoặc giao nhiệm vụ kiểm toán

dự toán NSNN cho các đơn vị trực thuộc KTNN; củng cố đội ngũ và cân nhắc việc thành lập đoàn, tổ kiểm toán khi kiểm toán dự toán NSNN;

Ba là, xây dựng quy trình kiểm toán dự toán NSNN và hoàn thiện việc tổ chức kiểm toán theo quy trình kiểm toán dự toán NSNN; các giai đoạn của quy trình kiểm toán dự toán NSNN tuân thủ quy trình chung và lưu ý một số nội dung mang tính đặc thù của kiểm toán dự toán NSNN;

Bốn là, hoàn thiện tổ chức kiểm soát chất lượng kiểm toán dự toán NSNN như hoàn thiện các chính sách kiểm soát; hoàn thiện tổ chức, bộ máy để tổ chức kiểm soát; thực hiện các nội dung kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán dự toán NSNN một cách phù hợp; xây dựng quy trình kiểm soát hồ sơ kiểm toán dự toán NSNN (kiểm soát sau khi cuộc kiểm toán kết thúc) để tổ chức kiểm soát chất lượng kiểm toán dự toán NSNN;

Năm là, nâng cao chất lượng kiểm toán quyết toán NSNN để cung cấp thông tin cho việc đánh giá dự toán NSNN;

Sáu là, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho kiểm toán viên, đặc biệt chú trọng đào tạo cả 3 loại hình kiểm toán (kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động và kiểm toán tài chính), nâng cao trình độ phân tích, tổng hợp, bồi dưỡng các kiến thức kinh tế, tài chính vĩ mô... cho kiểm toán viên. Có như vậy, KTNN mới có thể tiến hành kiểm toán dự toán NSNN bảo đảm chất lượng.

Xin cảm ơn ông!■

THU HƯỜNG (thực hiện)

Cổ phần hóa DNNN - Cuộc chiến khốc liệt

 **DINH HIỀN**

Theo nhận định của nhiều chuyên gia, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một chương trình gắn liền với lợi ích cá nhân và lợi ích nhóm, có thể xung đột sâu sắc với lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng. Chính vì vậy, tính chất của “cuộc chiến” này khốc liệt hơn bất cứ một cuộc chiến nào, và chương trình này cũng khốc liệt hơn bất cứ chương trình tái cấu trúc nào khác. Vấn đề là, các nhà quản lý hiện tại của các doanh nghiệp nhà nước có sẵn sàng cổ phần hóa hay là sẽ cố gắng trì hoãn, thậm chí là tìm mọi cách để làm cho doanh nghiệp của mình trở nên kém cỏi, xấu xí hơn trước con mắt của các nhà đầu tư?

Nản lòng với tiến trình cổ phần hóa

Tháng 10/2016, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam VAFI đã có văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ đề xuất giải pháp tăng thu cho ngân sách nhà nước hơn 15 tỷ USD từ tiến trình bán cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước. Nhưng điều quan trọng hơn, đó là VAFI đã thẳng thắn chỉ ra tình trạng ngăn cản việc niêm yết của lãnh đạo các bộ chủ quản đối với một số doanh nghiệp thuộc bộ, cụ thể là trường hợp Tổng công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Sabeco và Habeco khi hai doanh nghiệp này tìm mọi cách trốn tránh niêm yết trong vòng 9 năm. Chỉ đến khi có sự chỉ đạo trực tiếp từ Thủ tướng Chính phủ thì Sabeco và Habeco mới chịu làm thủ tục niêm yết. Cho tới ngày 6/12 vừa qua, Sabeco mới chính thức lên sàn tại Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) với mã chứng khoán SAB và mức giá tham

chiếu phiên giao dịch đầu tiên là 110.000 đồng/cổ phiếu.

Theo ông Đỗ Hoàng Hải - Phó chủ tịch VAFI, tiến trình cổ phần hóa của chúng ta đang bị bế tắc vì nhà đầu tư mất tin tưởng trước việc rất nhiều doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa nhưng lại bội ước, không niêm yết trên sàn. Nếu thoái vốn nhà nước mà không niêm yết thì thông tin sẽ không minh bạch, không bán công khai, đấu giá hạn chế, thầu tóm và Nhà nước sẽ thất thoát một lượng ngân sách rất lớn.

Ông Hải cho biết, chiến dịch thúc đẩy Sabeco lên sàn đã diễn ra cách đây hơn 5 tháng. Lúc đó, VAFI đã đưa ra nhiều cơ sở pháp lý để doanh nghiệp này phải thực hiện và bước đầu là củng cố được niềm tin cho giới đầu tư. Bên cạnh đó, cổ phiếu mà Sabeco giao dịch OTC cũng sôi động và cũng tăng giá dần.

Tính từ thời điểm Chính phủ bắt buộc Sabeco phải niêm yết

trước khi thoái vốn cho đến nay thì giá trị doanh nghiệp của Sabeco đã tăng hơn gấp đôi. Chỉ vài phút sau khi mở cửa, cổ phiếu SAB đã tăng kịch trần 20% lên 132.000 đồng/cổ phiếu, với lượng dư mua giá trần hơn 6 triệu cổ phiếu, còn ở chiều ngược lại thì gần như không có người bán. Với mức giá này, vốn hóa Sabeco đã lên mức 84.649 tỉ đồng.

Phương pháp của VAFI là đề nghị niêm yết xong rồi bán, khác với phương án của Bộ Công thương là bán xong rồi mới niêm yết, vì như vậy, Nhà nước có thể thu được gấp đôi.

Trong khi Thủ tướng đưa ra chỉ thị phải thúc đẩy cổ phần hóa và phải bán với giá cao nhất mà không phân biệt nhà đầu tư thì không ít doanh nghiệp vẫn muốn thực hiện chia nhỏ từng lô để bán, mỗi lần bán 9%, thậm chí là 2-3%. Theo phân tích của nhiều chuyên gia, việc bán từng lô nhỏ cũng có nghĩa là loại bỏ lập tức các cổ đông chiến lược nước

ngoài. Bên cạnh đó, nó sẽ làm chậm trễ toàn bộ tiến trình cổ phần hóa để các nhà lãnh đạo tiếp tục ngồi lại. Khi các nhà đầu tư lớn bị loại bỏ thì chỉ còn các nhà đầu tư tài chính. Tuy nhiên, các nhà đầu tư tài chính trên thị trường Việt Nam thì không thể hấp thụ nổi hàng chục tỷ đô la Mỹ. Còn với nhà đầu tư tài chính nước ngoài, tức là các quỹ, khi đầu tư vào một doanh nghiệp, mục đích của họ là tối đa hóa lợi nhuận và thu về trong vòng 3 đến 5 năm tới. Họ không đặt nặng vào chiến lược tầm xa mà chỉ nhìn vào một thời gian ngắn. Cuối cùng thì chúng ta lại phải trông chờ vào các nhà đầu tư chiến lược bởi đó chính là các nhà đầu tư có định hướng lâu dài.

Hiện nay, khi nhắc tới tiến trình cổ phần hóa, nhiều nhà đầu tư nước ngoài tỏ ra chán nản và cũng không còn nhiều niềm tin đối với vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam. TS. Lê Xuân Nghĩa, Viện trưởng Viện Phát triển kinh doanh BDI chia sẻ, cách đây khoảng 3-4 năm, số lượng các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là rất nhiều. Thậm chí có thời điểm có đến 35 tập đoàn hàng đầu, lớn nhất của Mỹ như Boeing, Microsoft... hiện diện ở Việt Nam để làm việc với các cơ quan của Chính phủ. Thế nhưng bây giờ thì hầu như không còn tập đoàn lớn nào quan tâm đến vấn đề này, chỉ có một ít doanh nghiệp Nhật Bản đeo đuổi trong vài năm qua. Một số nhà đầu tư của Đông Nam Á gần đây cũng nản lòng. Hiện chỉ còn lại các nhà đầu tư Trung Quốc, Hồng Kông... là những đối tác muốn chọn Việt

Nam vì họ cho rằng đây là một khu vực hữu ích cho cả địa chính trị cũng như về quản lý.

Dưới góc độ của một người tư vấn cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài, bà Đỗ Thị Thu Hà, Phó Tổng giám đốc phụ trách văn phòng Công ty kiểm toán KPMG Hà Nội đã chỉ ra một số nguyên nhân khiến cho các nhà đầu tư này e ngại hoặc còn đang khá dè dặt, không mặn mà với quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước.

Thứ nhất là vấn đề sở hữu của nhà đầu tư tư nhân sau khi tham gia vào doanh nghiệp nhà nước. Thống kê hiện nay cho thấy, sau khi cổ phần hóa tại các doanh nghiệp nhà nước cả lớn lẫn nhỏ, tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư tư nhân thường chỉ chiếm khoảng 10% đến 20%. Việc chuyển đổi một công ty từ 100% là chỉ đạo của Nhà nước sang chỉ đạo của tư nhân bao giờ cũng đi kèm với điều kiện nhà đầu tư tư nhân sẽ được tham gia đến đâu trong quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động đó. Tỷ lệ sở hữu còn thấp hoặc việc chưa cho nhà đầu tư tư nhân tham gia trực tiếp vào hoạt động của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa đã khiến các nhà đầu tư trở nên e dè. Tình trạng này không chỉ riêng với nhà đầu tư nước ngoài mà còn với cả các nhà đầu tư Việt Nam.

Thứ hai là, trong quá trình cổ phần hóa, việc công khai minh bạch hoặc cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước thực tế vẫn còn chậm trễ. Trong khi đó, nhà đầu tư luôn cần phải vào rất sâu trong doanh nghiệp được cổ phần hóa để tìm hiểu các định chế, các hoạt động nhằm đưa ra

ước lượng về mặt tài chính trong tương lai.

Điểm thứ ba liên quan đến vấn đề định giá. Về nguyên tắc, bất cứ giao dịch nào cũng phải có “thuận mua vừa bán”, thế nhưng hiện nay, vấn đề định giá là một trong những rào cản khá lớn. Một doanh nghiệp nhà nước cần phải định giá phù hợp để các nhà đầu tư có thể tham gia vào và hình dung được giá trị những đồng tiền bỏ ra sẽ thu lại được lợi nhuận trong tương lai.

Cổ phần hóa chỉ có thể thành công bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ

Theo TS. Lê Xuân Nghĩa, chương trình cổ phần hóa sở dĩ phải rơi vào tình cảnh trên là do chúng ta không còn thấy những biểu hiện của trách nhiệm sống còn tại rất nhiều doanh nghiệp nhà nước. Đối với phần lớn các vị chủ tịch, tổng giám đốc, các nhà quản lý, hay thậm chí là các nhà giám sát thì doanh nghiệp tồn tại hay không tồn tại không phải là vấn đề sống còn. Chính vì thế, trong nỗ lực đẩy mạnh tiến trình cổ phần hóa, việc xác định rõ trách nhiệm của từng đối tượng cần được xem như một giải pháp tiên quyết.

Nhiều chuyên gia cũng cho rằng, về lý thuyết, sẽ không khó để xác định rõ ai là người phải chịu trách nhiệm cũng như ai là người phải từ bỏ vị trí khi không thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao. Ông Đỗ Hoàng Hải khẳng định: Chỉ cần Thủ tướng có một công văn chỉ đạo, nếu người đại diện vốn nhà nước không thực hiện nhiệm vụ niêm yết khi đã đủ điều kiện niêm yết thì cũng có nghĩa họ đã từ bỏ nhiệm vụ của



mình và nghiêm nhiên mất đi tư cách đại diện vốn nhà nước đã được giao. Trong trường hợp lãnh đạo bộ ngành hoặc địa phương ngăn cản thì những vị lãnh đạo này cũng vi phạm kỷ luật ở một hình thức nào đó. Quyết liệt với giải pháp như thế, chắc chắn không một ông giám đốc hay một chủ tịch HĐQT nào dám đánh đổi sinh mạng của mình để trốn niêm yết lên sàn chứng khoán.

Cũng đề cập đến việc thực hiện các giải pháp, ông Lê Xuân Nghĩa đánh giá, Việt Nam đã có một kế hoạch rất rõ ràng, chính xác đến con số lẻ, rằng trong vòng 5 năm tới thì sẽ cổ phần hóa bao nhiêu. Tuy nhiên, những con số đầy đường như không có ý nghĩa gì. Đơn cử trường hợp cổ phần hóa ở tập đoàn Hàng không Vietnam Airlines. Dù được tính là cổ phần hóa, nhưng chỉ với một vài phần trăm thì việc cổ phần hóa đó cũng không có ý nghĩa thật sự. Đó là chưa kể phần lớn trong số đầy đủ đều được mua bởi các ngân hàng thương mại quốc doanh. Hành động này có thể coi như là rút tiền chỗ này ném vào chỗ khác vì đó vẫn tiền

là của Chính phủ. Bởi vậy, vấn đề cốt lõi không phải ở số lượng các doanh nghiệp được cổ phần hóa mà là số tiền chuyển về cho Chính phủ từ việc bán tài sản của doanh nghiệp nhà nước.

Để làm rõ thêm nội dung này, ông Đỗ Hoàng Hải bổ sung: Việc Chính phủ muốn bán ở giá cao nhất phụ thuộc vào chất lượng của tư vấn định giá và độ minh bạch thông tin của quá trình. Thường thì khi niêm yết, doanh nghiệp sẽ bán sẽ cao hơn khi chưa niêm yết. Một yếu tố quan trọng nữa là Nhà nước có còn duy trì tỉ trọng cổ phần trong đó hay không. Nếu Nhà nước không giữ cổ phần nào thì giá trị sẽ cao nhất, còn nếu vẫn giữ 50% hay kể cả 30%, 40% thì giá trị sẽ giảm đi.

Còn theo bà Đỗ Thị Thu Hà, một số doanh nghiệp lớn đôi khi kỳ vọng về giá bán rất cao nhưng lại chưa biết mình nên làm gì để có giá trị cao hơn. Trước khi chào bán, chúng ta cần xem lại tài sản của mình, xem lại quy trình, cách tổ chức hoạt động, phải đi qua các bước tái cơ cấu cơ bản để nhà đầu tư cảm thấy tự tin về quy trình kiểm soát nội bộ,

về quản trị, quy trình báo cáo tài chính của doanh nghiệp... Tất cả những điều đó sẽ tạo nên tiền tố để tăng cao giá trị của doanh nghiệp, đồng thời tăng sức hấp dẫn của doanh nghiệp với các nhà đầu tư nước ngoài.

TS. Lê Xuân Nghĩa nhấn mạnh, điều quan trọng nhất là tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước phải thật quyết liệt. Cần nghiên cứu kỹ, khảo sát kỹ, tìm hiểu kỹ và khẳng định rằng, chỉ khoảng 25-30 tập đoàn lớn sẽ cổ phần hóa dần dần theo lộ trình đặt ra của Chính phủ, phần doanh nghiệp còn lại dứt khoát phải cổ phần hóa 100%, kể cả những đối tượng do Tổng công ty quản lý vốn nhà nước SCIC đang quản lý. Bởi lẽ đây là tài sản của cả một dân tộc, không thể để trở thành điểm tựa cho các loại lợi ích cá nhân, nhất là trong bối cảnh ngân sách đang chịu gánh nặng nợ nần mà không có tiền để trang trải.

Các chuyên gia đều khuyến cáo, Chính phủ cần phải rút kinh nghiệm, nhìn lại toàn diện và chi tiết về sự thất bại trong cổ phần hóa doanh nghiệp thời gian qua để tìm kiếm giải pháp khắc phục cho thời gian tới. Thay vì việc quá chú trọng vào số lượng, chúng ta nên chú trọng vào chất lượng cổ phần hóa, từ khâu chuẩn bị đến việc định giá doanh nghiệp, xem lại quá trình tái cơ cấu, chuẩn bị một cách kỹ lưỡng và chuyên nghiệp, đồng thời công bố thông tin một cách công khai minh bạch... Khi tất cả những biện pháp đó được thực hiện đồng bộ và mạnh mẽ, chương trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều thành công.■

Thu ngân sách từ thuế xuất nhập khẩu gặp khó: Tại sao?

 **THÙY ANH**

Theo Tổng cục Hải quan, số thu ngân sách nhà nước của ngành hải quan đến hết tháng 11/2016 đạt 239.454 tỷ đồng, bằng gần 89% dự toán, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, đại diện Tổng cục Hải quan cho biết, để hoàn thành nhiệm vụ thu của năm là một thách thức không nhỏ bởi năm 2016 có nhiều yếu tố khách quan làm ảnh hưởng lớn đến số thu thuế xuất nhập khẩu.



Thuế xuất nhập khẩu vì sao gặp khó khăn?

Năm 2016, ngành hải quan được Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính giao dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) là 270.000 tỷ đồng và Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính giao chỉ tiêu phần đầu 275.000 tỷ đồng. Trao đổi với báo chí, ông Lưu Mạnh

Tường, Cục trưởng Cục thuế xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan cho biết, dự toán thu ngân sách này được xây dựng dựa trên cơ sở dự báo GDP tăng trưởng 6,7%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 10%.

Tuy nhiên, qua 10 tháng, cả 2 chỉ tiêu trên đều thấp hơn so với dự toán đã làm ảnh hưởng lớn

đến số thu NSNN của ngành hải quan. Cụ thể là, tăng trưởng GDP 10 tháng năm 2016 đạt 6%, tổng kim ngạch XNK so với cùng kỳ chỉ tăng khoảng 4%.

Về xuất khẩu dầu thô, 10 tháng năm 2016 cả nước xuất khẩu được 5,7 triệu tấn, đạt kim ngạch 1,9 tỷ USD, giảm 25% về số lượng và 41% về trị giá.

Trong khi đó, 10 tháng năm 2015 xuất khẩu dầu thô của Việt Nam đạt 7,6 triệu tấn, kim ngạch đạt 3,2 tỷ USD. Như vậy, so với cùng kỳ, về lượng, xuất khẩu dầu thô giảm gần 2 triệu tấn và kim ngạch nhập khẩu giảm 1,3 tỷ USD (29.500 tỷ đồng); giá xuất khẩu 10 tháng năm 2016 chỉ đạt 333 USD/tấn, trong khi cùng kỳ năm 2015 là 421 USD/tấn, giảm 88 USD/tấn so với cùng kỳ. Vì vậy, so với cùng kỳ năm 2015, số thuế xuất khẩu dầu thô năm 2016 đã giảm đi gần 500 triệu USD (khoảng 11.300 tỷ đồng).

Riêng với mặt hàng xăng dầu nhập khẩu, thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, thuế nhập khẩu xăng dầu từ Hàn Quốc giảm từ 20% xuống còn 10% đã làm cho số lượng xăng nhập khẩu từ Hàn Quốc tăng từ 2% lên 10%. Tuy nhiên, số thu NSNN của ngành hải quan từ mặt hàng này lại giảm gần 5.000 tỷ đồng (năm 2015 số thu từ mặt hàng này chiếm khoảng 13%/tổng thu, thì nay chỉ chiếm khoảng 6,5%/tổng thu).

Đối với ô tô nhập khẩu, do thuế suất thuế TTĐB dành cho xe ô tô có dung tích xi lanh lớn được thông báo là tăng đáng kể từ ngày 01/7/2016, bởi vậy, trước đó các DN đã nhập khẩu một lượng lớn mặt hàng này để “chạy” thuế. Lượng ô tô dưới 9 chỗ do đó cũng không nhập về nhiều như đầu năm. Bên cạnh đó, ở trong nước cũng đã sản xuất được một số lượng xe dung tích xi lanh nhỏ nên lượng nhập khẩu loại xe này cũng không tăng đột biến dù đã được giảm thuế TTĐB. Riêng 10 tháng năm 2016, số lượng xe nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 11.554 xe

làm trị giá nhập khẩu ô tô chỉ bằng khoảng 45% so với cùng kỳ.

Ngoài ra, theo Tổng cục Hải quan, số thu từ Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh đã giảm khoảng 1.400 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015.

Cùng với đó, việc triển khai Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cũng ảnh hưởng tới số thu NSNN. Đó là việc quy định kéo dài thời gian nộp thuế của DN ưu tiên và việc miễn thuế nguyên liệu nhập khẩu cho DN để sản xuất hàng xuất khẩu (thay vì DN phải nộp thuế khi nhập khẩu và được hoàn thuế khi xuất khẩu)... cũng làm giảm số thu của ngành hải quan.

Đồng loạt triển khai các giải pháp để hoàn thành mục tiêu

Đại diện Tổng cục Hải quan cho biết, để hoàn thành dự toán được giao, ngành hải quan sẽ chủ động triển khai một số giải pháp như:

►► Yêu cầu cơ quan hải quan các tỉnh, thành phố làm việc tắt cả các ngày thứ bảy, chủ nhật đến hết ngày 31/12/016 tại các cảng biển quốc tế quan trọng để đáp ứng nhu cầu thông quan hàng hóa của doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chính sách trong quá trình triển khai thực hiện Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

►► Yêu cầu các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu hiện có để xác định dấu hiệu nghi vấn, thực hiện kiểm tra trong thông quan hoặc sau thông quan để làm rõ hành vi vi phạm, thu đủ thuế, trong đó tập trung kiểm tra, rà soát một số lĩnh vực

trọng tâm như phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế, xuất xứ hàng hóa, trị giá hải quan, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xác định và xử lý nợ...

►► Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan, thanh tra, chống buôn lậu, gian lận thương mại, chủ động rà soát, kiểm tra các mặt hàng có thuế suất cao, kim ngạch lớn, các mặt hàng trọng tâm, trọng điểm, xác định các dấu hiệu nghi vấn khai sai số lượng, trị giá, thuế suất, đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế vào NSNN.

►► Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, chống gian lận thương mại trong khâu làm thủ tục hải quan; thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra đột xuất theo các chuyên đề chống thất thu thuế; thành lập các đoàn cấp Cục và Tổng cục để kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế.

►► Đồng thời, ngành hải quan đã kiến nghị Chính phủ và Quốc hội cho mở rộng một số khoản thu khác, trong đó có thuế bảo vệ môi trường đối với một số mặt hàng đang nhập khẩu lớn như than đá, quặng sắt... để đảm bảo nguồn thu về lâu dài.

Đại diện Tổng cục Hải quan cũng cho biết, đến hết tháng 11, chúng ta đã có tín hiệu đáng mừng là 9/36 cục hải quan tỉnh, thành phố hoàn thành và vượt chỉ tiêu ngân sách. Đặc biệt, các cục hải quan có số thu lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hà Nội, Đồng Nai, Quảng Ninh, Bình Dương... chiếm hơn 80% tỷ trọng của cả nước đã đạt khoảng 92% dự toán. Ông Lưu Mạnh Tường cho biết, với tiến độ này, ngành hải quan sẽ hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách được giao. ■



Quản lý sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế: Nhiều công cụ kiểm soát nhưng chưa hiệu quả

 **BẮC SƠN**

Báo chí và dư luận trong thời gian gần đây đề cập rất nhiều đến thông tin có tới gần 40 tỉnh trên cả nước chi vượt quỹ khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế (BHYT) của địa phương với tổng số tiền lên đến hơn 3.400 tỷ đồng. Dự kiến, mức chi vượt thu Quỹ BHYT năm nay có thể lên tới trên 6.000 tỷ đồng. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (BHXH) cho rằng, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc thâm hụt, thậm chí vỡ Quỹ là do tình trạng lạm dụng, trục lợi từ cả hai phía là người có BHYT và từ các cơ sở khám chữa bệnh.

Những dấu hiệu bất thường

Theo chính sách thông tuyến trong khám chữa bệnh bằng BHYT, người dân có thể đi khám chữa bệnh tại tất cả các bệnh viện tuyến huyện hay bệnh viện hạng 3 trên toàn quốc mà không cần chuyển tuyến. Tuy nhiên, chính sách này đang bị lợi dụng. Nhiều cơ sở đã thu gom bệnh nhân từ các xã, vùng 135 - những đối tượng được thanh toán 100% BHYT để đưa về bệnh viện khám với danh nghĩa miễn phí, từ thiện, kê không giường bệnh, chỉ định xét nghiệm, kê đơn thuốc đắt tiền... Việc chi vượt mức ở nhiều địa phương bị phát hiện bắt nguồn từ chính những dấu hiệu không bình thường trong các bộ hồ sơ đề nghị thanh toán bảo hiểm của

nhiều cơ sở y tế cả công lập và tư nhân.

Ở nhiều địa phương, dấu hiệu vi phạm quy định luật khám chữa bệnh bằng BHYT đã rõ, vấn đề là biện pháp xử lý của cơ quan bảo hiểm chưa đủ mạnh để răn đe, ngăn ngừa việc lạm dụng BHYT. Hết 8 tháng đầu năm, tỉnh Thanh Hóa bội chi BHYT tới 360 tỷ đồng. Qua rà soát, Thanh Hóa đã phát hiện nhiều trường hợp đi khám tới hàng chục lần/tháng, thậm chí có trường hợp khám 27 lần/tháng, tức là gần như liên tục ngày nào cũng đến bệnh viện để khám và lấy thuốc. Nhiều nơi còn tổ chức vận động người dân đi khám bệnh bằng BHYT, có trường hợp không cần thiết nhưng vẫn được chi định khám. Bởi vậy mới có

cơ sở y tế số lượng người bệnh đi khám tăng lên đến 500% so với cùng thời điểm các năm trước đó.

Ông Phạm Lương Sơn, Phó Tổng giám đốc BHXH Việt Nam cho biết, hiện nay chúng ta đang áp dụng cơ chế điều chỉnh giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 do Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính ban hành quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc, kèm theo mức giá của 1.800 dịch vụ y tế. Ngoài ra, chúng ta cũng đã thực hiện thông tuyến đối với các bệnh viện tuyến huyện trên phạm vi cả nước và thông tuyến đối với các cơ sở y tế là trạm y tế xã, phòng khám đa khoa, bệnh viện huyện trong phạm vi một tỉnh. Chính vì thế, việc gia tăng BHYT là không tránh khỏi và BHXH Việt Nam đã trình Chính phủ về việc có khả năng gia tăng chi phí BHYT lên khoảng 30% trong năm 2016. Tuy nhiên, trong thực tế 6 tháng đầu năm 2016, mức gia tăng chi phí đã lên đến 40%, vượt 10% so với dự báo, trong khi mức dự báo ban đầu đã khá rộng rãi. Cơ chế thông tuyến trong khám chữa bệnh là rất đúng đắn, mục tiêu của nó là tạo điều kiện thuận lợi người có thẻ BHYT được tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ khám chữa bệnh. Tuy nhiên, cơ chế này đang có những biểu hiện bị lạm dụng, theo thống kê 6 tháng đầu năm có khoảng 10% người tham gia BHYT khám 2-3 lần/tháng. Một số cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt là cơ sở khám chuyên khoa



đang lợi dụng cơ chế này để tăng số lượng bệnh nhân đến khám để tăng doanh thu. BHXH Việt Nam đã chuẩn bị khoảng 30% từ Quỹ dự phòng Trung ương bù đắp cho chi phí này, nhưng nếu như chỉ qua 6 tháng mà mức chi phí đã tăng đột biến như vậy thì chúng ta sẽ không thể có đủ nguồn để đảm bảo đáp ứng lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo hướng tính đúng, tính đủ. Khi đó, việc BHXH Việt Nam giữ được cam kết đến hết 2017 không đề nghị tăng mức đóng là điều rất khó khăn.

Tại một số địa phương, dù luôn có cán bộ giám định trực tại tuyến huyện và cả ở tuyến tỉnh nhưng cũng không thể xác định được đầy đủ bệnh nhân đã đi khám từ xã, khám ở huyện rồi lên tỉnh khám lại. Thông tuyến thiếu kiểm soát là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng bội chi BHYT, thậm chí một số huyện đã hết sạch quỹ khám chữa bệnh BHYT vì thông tuyến. Nhiều xét nghiệm, đơn thuốc dù được thực hiện ở tuyến huyện lại có thể lập lại ở tuyến tỉnh. Như vậy, BHYT đang phải chi trả 2 lần tiền cho cùng 1 bệnh.

Bội chi bảo hiểm y tế tại nhiều địa phương còn có một nguyên nhân khác là từ việc phát triển các kỹ thuật cao như: tim mạch, ung bướu, sản nhi và do viện phí tăng nên giá của các kỹ thuật này cũng tăng mạnh dẫn đến bội chi. Tỉnh Quảng Ninh đã bội chi hơn 100 tỷ đồng BHYT trong thời gian qua chỉ vì giá viện phí tăng. Ngoài ra, giá trị của thẻ BHYT thấp (khoảng 650 nghìn đồng), khám 5 lần và phát thuốc là đã có thể vượt giá trị của thẻ cũng là nguyên nhân dẫn

đến bội chi và BHXH Việt Nam đang tính đến các phương án cân đối nguồn quỹ để bảo vệ quyền lợi của người tham gia BHYT.

Phân tích thêm về vấn đề này, ông Phạm Lương Sơn, Phó Tổng giám đốc BHXH Việt Nam cho rằng, việc gia tăng đối tượng tham gia BHYT cũng là một nguyên nhân khiến cho chi phí tăng một cách cơ học. Theo tính toán sơ bộ của BHXH Việt Nam, gia tăng do số lượng tham gia BHYT khoảng 3.000 tỷ đồng, do điều chỉnh giá dịch vụ y tế cũng lên khoảng 3.000 tỷ đồng, còn thông tuyến lên đến gần 1.400 tỷ đồng. Bên cạnh đó, việc lãng phí trong khám chữa bệnh là vấn đề chúng ta phải quan tâm nhiều hơn. Hàng loạt các xét nghiệm, các dịch vụ chẩn đoán hình ảnh bị lập đi lập lại từ tuyến xã lên huyện rồi lên tuyến tỉnh... BHXH Việt Nam đã tính đến các yếu tố cân đối Quỹ và chủ động dự báo việc gia tăng chi phí trong năm 2016 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia BHYT. Nhưng đến nay, sự gia tăng đó vượt ngưỡng 10% là điều bất thường.

Theo ông Lê Văn Khảm, Vụ trưởng Vụ BHYT (Bộ Y tế), về mặt cơ chế công cụ để quản lý hoạt động khám chữa bệnh bằng BHYT không thiếu, nhưng việc thường xuyên kiểm tra và xử lý vẫn còn rất nhiều hạn chế.

TS. Trần Tuấn, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo phát triển cộng đồng thì cho rằng, ngay từ đầu chúng ta đã không xuất phát từ quan niệm khoa học bảo hiểm, tức là không quản lý trên cơ sở cân bằng quỹ, phù hợp giữa nguồn thu và nguồn chi. Thu hiện nay đã tăng

nhưng thực tế vẫn cách xa so với nhu cầu thực tế. Điều đó cho thấy cơ chế chính sách phải tiếp tục điều chỉnh để có thể kiểm soát hoạt động khám chữa bệnh BHYT chặt chẽ hơn nữa.

Cần một cơ chế quản lý rõ ràng và hiệu quả hơn

Về phía Bộ Y tế, ông Lê Văn Khảm cho biết, Luật BHYT có quy định người tham gia BHYT phải sử dụng thẻ đúng mục đích, như vậy, chỉ khi nào người dân có nhu cầu thực sự thì mới đi khám chữa bệnh. Nếu người dân không ý thức được việc sử dụng thẻ đúng quy định thì chúng ta đã tự làm mất đi ý nghĩa của việc chia sẻ trong cộng đồng, đặc biệt là sẽ không công bằng cho những trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo cần chi phí lớn để chữa bệnh. Nhiều địa phương sau khi tiếp nhận phản ánh tình trạng lạm dụng Quỹ BHYT đã có những can thiệp kịp thời để chấn chỉnh và xuất toán những chi phí BHYT không hợp lý.

Luật BHYT, Nghị định của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn đều có những điều khoản liên quan đến việc phòng chống hiện tượng lạm dụng các dịch vụ y tế bao gồm cả thuốc, dịch vụ kỹ thuật cho đến xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh... vượt quá mức cần thiết so với quy định pháp luật về mặt chuyên môn. Vì vậy, sau khi Luật BHYT được ban hành, Bộ Y tế, Bộ Tài chính cùng với BHXH Việt Nam đã xây dựng thông tư hướng dẫn, trong đó có thông tư quy định về điều kiện của một kỹ thuật được BHYT chi trả, hoặc về một loại thuốc cụ thể, đặc biệt là những thuốc phải rất thận trọng khi chỉ định cho bệnh

nhân. Với loại thuốc có chi phí lớn, không chỉ một mình bác sỹ điều trị kê đơn thuốc và phải hội chẩn với các bác sỹ khác, thậm chí hội chẩn lên chuyên khoa, hội chẩn toàn viện.

Hiện nay, Bộ Y tế đang chuẩn bị các đoàn thanh tra về các địa phương để nhận diện một cách đầy đủ hơn và cụ thể hơn về hoạt động khám chữa bệnh BHYT. Trên cơ sở đó, Bộ sẽ có các chỉ đạo sát hơn và có văn bản pháp quy về công tác kiểm tra việc sử dụng dịch vụ y tế tại các bệnh viện, đồng thời nêu rõ nội dung cần kiểm tra và cách thức xử lý. Bên cạnh đó, Bộ sẽ tăng cường sự phối hợp giữa BHYT và BHXH Việt Nam cùng với sự tham gia của chính quyền địa phương để tăng cường công tác kiểm tra và giáo dục pháp luật để nâng cao hiệu quả sử dụng BHYT. Khi đã phát hiện ra tình trạng lạm dụng, trục lợi, gian lận BHYT thì mỗi một mức sẽ có cách xử lý khác nhau.

Đại diện BHXH Việt Nam, ông Phạm Lương Sơn nhấn mạnh: Trước hết, chúng ta phải tiết kiệm được chi phí thông qua việc tránh trùng lặp, không chỉ hai lần làm xét nghiệm cho 1 bệnh nhân mà có nơi lên đến 4 lần từ tuyến xã lên tuyến huyện. Cần phải có những chế tài xử lý về tài chính như thu hồi hoặc xuất toán, bên cạnh đó phải nâng cao ý thức cho người cung cấp dịch vụ y tế, người khám chữa bệnh và trách nhiệm của các bên quản lý. Chính phủ cần ban hành chế tài về hình sự để xử lý nghiêm khắc những hành vi trục lợi từ BHYT, có như thế mới đảm bảo được tính răn đe và bảo đảm hiệu quả sử dụng Quỹ.

BHXH đã có 2 văn bản gửi đến các tỉnh về việc nếu như phát hiện các dấu hiệu vi phạm trong việc khám chữa bệnh bằng BHYT thì các tỉnh chuyển hồ sơ sang cơ quan công an để xử lý. Ngoài ra, BHXH Việt Nam cũng đã tăng cường kiểm soát, chống lạm dụng, bảo đảm sử dụng hiệu quả Quỹ BHYT thông qua việc giao cho Tổng Hội Y học Việt Nam thành lập các đoàn chuyên gia độc lập để đánh giá việc sử dụng, chỉ định các loại dịch vụ y tế.

Có ý kiến cho rằng, để đảm bảo cân đối thu chi Quỹ BHYT thì thời gian tới, BHXH cần cân nhắc đến việc tăng mức đóng BHYT. Tuy nhiên đại diện BHXH Việt Nam cho biết, đề nghị Chính phủ điều chỉnh mức đóng BHYT là việc cần hết sức thận trọng. Việc cân đối nguồn thu đầu vào và dự báo mức chi trả quỹ dự phòng mà chúng ta đang có chính là để đảm bảo lợi ích của người tham gia BHYT. Hiện tại, BHXH Việt Nam chưa có phương án đề xuất tăng mức đóng BHYT cho đến hết năm 2017.

Ngoài những giải pháp về cơ chế quản lý nêu trên, việc tiếp cận các gói dịch vụ BHYT mới theo các nước trên thế giới cũng được nhiều chuyên gia nhắc đến. Ông Nguyễn Văn Tiên, Nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội cho rằng, Bộ Y tế cần nhanh chóng thực hiện gói dịch vụ y tế cơ bản đối với BHYT. Bởi khi hình thành được gói này, chúng ta sẽ xác định được ai là người quyết định các dịch vụ y tế do Quỹ BHYT chi trả. Theo đó, những dịch vụ y tế cơ bản, thiết yếu tại các cơ sở tuyến huyện, xã và cả tuyến trên sẽ được Quỹ BHYT chi trả.

Đồng thời, xác định được các loại dịch vụ kỹ thuật cao, các loại thuốc đắt tiền thì BHYT sẽ chi trả ở mức nào để vừa khuyến khích phát triển kỹ thuật cao vừa bảo đảm Quỹ.

Đồng tình với ý kiến trên, TS. Trần Tuấn cho rằng, gói dịch vụ cơ bản sẽ là bài toán giải quyết vấn đề hiệu quả trong quản lý Quỹ BHYT. Đây là bước đi đúng và cần thiết, bởi khi có hình thức này ngành y tế sẽ xác định được toàn bộ quy trình bắt buộc BHYT phải trả. Đi kèm với nó là các quy định về mặt chất lượng, từ đó đặt ra cơ sở cho việc tính đúng, tính đủ dịch vụ y tế. BHXH Việt Nam theo đó cũng sẽ có căn cứ để tính được khả năng cân đối Quỹ BHYT. Ngoài ra, người sử dụng dịch vụ cũng sẽ được hưởng lợi, bởi khi mua gói cơ bản thì người sử dụng sẽ tự biết mình được dùng những loại dịch vụ nào. Bộ Y tế cần nhanh chóng hình thành hình thức dịch vụ y tế cơ bản do BHYT chi trả để đảm bảo yếu tố dự phòng và mức chi trả của bảo hiểm.

Trục lợi BHYT đang là vấn đề gây bức xúc và là lực cản cho việc phát triển các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân có thẻ BHYT. Chính sách khám chữa bệnh bằng BHYT vẫn còn nhiều quy định chưa hợp lý, bên cạnh đó việc thực hiện chính sách cũng còn nhiều bất cập. Việc tăng cường hiệu lực và hiệu quả trong quản lý đối với lĩnh vực BHYT đang là đòi hỏi cấp thiết đặt ra, đặc biệt là trong bối cảnh chúng ta đang nỗ lực thực hiện mục tiêu đến năm 2020 có tới 90% dân số tham gia BHYT. ■

Phát triển năng lượng tái tạo: Cơ chế giá chưa hấp dẫn nhà đầu tư

 **HỒNG NHUNG**

Hiện nay, trong bối cảnh an ninh năng lượng đang là vấn đề nóng của nhân loại thì việc tìm kiếm các nguồn năng lượng thay thế, năng lượng tái tạo (NLTT) trở thành một xu thế tất yếu. NLTT được hiểu là các nguồn năng lượng có thể tái sản xuất dựa trên các dạng năng lượng tự nhiên gần như không bị cạn kiệt như: gió, ánh sáng mặt trời, nhiên liệu sinh học, địa nhiệt, thủy triều... Mặc dù được đánh giá là quốc gia có tiềm năng lớn về NLTT, song, hiện trạng khai thác các nguồn năng lượng này tại Việt Nam vẫn khá khiêm tốn. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, điểm nghẽn cơ chế giá được cho là trở ngại lớn nhất khiến nhiều dự án NLTT hàng tỷ USD bị “cuốn theo chiều gió”.

Khi tiềm năng... “để gió cuốn đi”

Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, điện năng sản xuất từ các nguồn NLTT (kể cả thủy điện lớn) dự kiến tăng từ khoảng 58 tỷ kWh năm 2015 lên khoảng 101 tỷ kWh vào năm 2020, khoảng 186 tỷ kWh vào năm 2030 và khoảng 452 tỷ kWh vào năm 2050, đưa tỷ trọng điện sản xuất từ các nguồn NLTT tăng từ 35% năm 2015 lên khoảng 38% năm 2020, khoảng 32% vào năm 2030 và 43% vào năm 2050.

Đánh giá về dự địa phát triển nguồn NLTT, báo cáo của Hiệp hội Năng lượng Việt Nam cho biết, Việt Nam có khả năng phát triển khoảng 200 MW năng lượng địa nhiệt; 43,9 tỷ TOE/năm năng lượng mặt trời; nhiều địa phương có thể phát triển điện gió nhờ mật độ năng



lượng gió đạt từ 500 - 1.400 kWh/m²/năm. Ngoài ra, Việt Nam còn có tiềm năng phát triển các dự án điện từ nguồn năng lượng sinh khối (chất hữu cơ phân hủy), hiện đạt khoảng 58 triệu TOE và có thể tăng lên tới 88 triệu TOE vào năm 2050.

Chỉ tính riêng điện gió, theo khảo sát của Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) và Ngân hàng Thế giới (WB) về năng lượng gió ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có tới 8,6% diện tích lãnh thổ được đánh giá có tiềm năng từ tốt đến rất tốt để

xây dựng các trạm điện gió cỡ lớn. Còn theo đánh giá của Bộ Công thương, điều kiện tự nhiên nước ta có thuận lợi cơ bản để phát triển điện gió với tổng công suất lên đến 513.360 MW, tức hơn 200 lần công suất của Nhà máy Thủy điện Sơn La và hơn 10 lần tổng công suất dự báo của ngành điện vào năm 2020.

Từ 9 năm trước, dự án điện gió đầu tiên đã được cấp phép đầu tư tại Quảng Ngãi. Chủ đầu tư là Công ty cổ phần Điện gió Lý Sơn (liên doanh của 3 công ty đến từ Đức). Tuy nhiên, do không thống nhất được giá điện nên dự án đã không thể triển khai bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chỉ chấp nhận mua điện ở mức 500 đồng/kWh trong khi chủ đầu tư đưa ra mức giá 750 đồng/kWh. Tương tự như vậy, dự án Nhà máy Điện gió Tu Bông - Khánh Hòa 1 cũng bế tắc vì không đạt được sự đồng thuận về giá điện (EVN chỉ đồng ý mua điện với giá 0,04 USD/kWh mà không đồng tình mức giá 0,05 USD/kWh - thời điểm năm 1997).

Năm 2011, Tập đoàn IMPSA (Argentina) được tỉnh Ninh Thuận chấp thuận chủ trương để khảo sát, lập thủ tục đầu tư dự án điện gió và nhà máy sản xuất cánh quạt tua-bin gió, trụ gió với vốn đầu tư có thể lên tới 2-3 tỷ USD. Thậm chí, việc mở rộng quy mô khảo sát dự án lên 1.000 ha (so với chủ trương ban đầu 600 ha) cũng được tỉnh này ngay lập tức đồng ý. Tuy nhiên cho tới nay, đã 5 năm trôi qua, hồ sơ đăng ký đầu tư cho dự án này vẫn chưa được nộp. Mới đây, UBND tỉnh Ninh Thuận cũng quyết định hủy bỏ dự án này.

Bên cạnh dự án của Tập đoàn IMPSA, Ninh Thuận còn có tới 12 dự án điện gió nằm trong quy hoạch, song phần lớn các dự án đó đều thuộc diện chậm tiến độ, thậm chí bị thu hồi quyết định đầu tư.

Đầu năm 2016, Công ty TNHH Solar Park (Hàn Quốc) đã ký Biên bản ghi nhớ với UBND tỉnh Đắk Lắk về việc triển khai dự án điện mặt trời trên hồ Ea-súp Thượng với công suất dự kiến 300-500 MW và vốn đầu tư 0,6-1 tỷ USD. Mới đây, tháng 11/2016, Công ty Mainstream Renewable Power (Ireland) cũng đã ký thỏa thuận hợp tác đầu tư 2,2 tỷ USD vào các dự án điện gió tại Việt Nam với tổng công suất 940 MW. Trong số này, dự án lớn nhất có tổng công suất 800 MW. Cụ thể, Mainstream cùng Công ty Dịch vụ tài chính năng lượng GE (thuộc Tập đoàn General Electric - Mỹ) sẽ chi khoảng 2 tỷ USD mua cổ phần tại Dự án Điện gió Phú Cường (Sóc Trăng). Ngoài ra, Mainstream sẽ đầu tư thêm 2 dự án điện gió khác tại Bình Thuận là Thái Hòa và Thái Phong với tổng công suất 38 MW và vốn đầu tư khoảng 200 triệu USD. Nếu các kế hoạch của Mainstream thực thi thì đây sẽ là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất trong các dự án NLTT tại Việt Nam.

Không khó để liệt kê danh sách các dự án NLTT có quy mô lên tới cả tỷ USD như vậy. Tuy nhiên trên thực tế, số lượng dự án được triển khai khá hiếm hoi. Thậm chí, nếu đặt lên bàn cân để tính toán, thì số lượng dự án NLTT bỏ cuộc còn nhiều hơn số dự án được triển khai...

Điều chỉnh cơ chế giá và bài học từ các nước

Mặc dù, chính sách thúc đẩy phát triển NLTT đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành hơn một năm nay (Quyết định 2068/QĐ-TTg ngày 25/22/1015 phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050), nhưng theo đánh giá của nhiều nhà đầu tư, những quy định, cơ chế hỗ trợ vẫn xa rời thực tiễn.

Theo Phó Viện trưởng Viện Năng lượng sạch Việt Nam Đặng Đình Thống, hiện nay hoạt động khảo sát, tìm kiếm địa điểm của các nhà đầu tư trong lĩnh vực NLTT đang rất sôi động. Tuy nhiên, tâm lý của hầu hết các nhà đầu tư là chờ đợi cơ chế giá điện. Đồng quan điểm trên, Chủ tịch Ủy ban ngành tăng trưởng xanh của EuroCham, ông Tomaso Andreatta cũng cho rằng, các vấn đề liên quan đến giá mua - bán NLTT đang được cho là trở ngại lớn nhất khiến các dự án này phần nhiều vẫn chỉ là lời hứa.

Vụ trưởng Vụ Năng lượng tái tạo, Bộ Công thương Phạm Trọng Thực cũng thừa nhận, giá FiT (Feed-in Tariff) cho NLTT còn thấp là nguyên nhân chưa hấp dẫn các nhà đầu tư. “Nhiều lần chúng tôi đã nói, điểm nghẽn giá thấp là rào cản phát triển NLTT. Ví dụ, cơ chế hỗ trợ phát triển dự án điện gió tại Việt Nam đã có từ năm 2011 (Quyết định 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011) nhưng đến nay mới có 160 MW điện gió nối lưới” - ông Thực dẫn chứng.

Theo kinh nghiệm quốc tế, cơ chế giá FiT là cơ chế đảm bảo các nguồn điện NLTT được

thanh toán với mức giá điện năng ưu đãi cho mỗi kWh điện năng bơm vào lưới điện và có hiệu lực trong mỗi quãng thời gian nhất định (thường dài hạn từ 10 đến 20 năm). Cơ chế này đặc biệt phù hợp trong giai đoạn đầu của thị trường điện NLTT ở mỗi quốc gia vì nó tạo nên sự ổn định doanh thu và chính sách, tạo sự yên tâm đối với nhà đầu tư. Gần đây, một số quốc gia phát triển đã giảm hoặc loại bỏ cơ chế FiT và dần chuyển sang cơ chế đấu thầu cạnh tranh.

Với cơ chế đấu thầu cạnh tranh, giá điện NLTT được xác định thông qua cơ chế cạnh tranh và đơn vị có giá thấp nhất được lựa chọn, phản ánh kỳ vọng của các nhà đầu tư cũng như các điều kiện thị trường (minh bạch và công bằng hơn), đồng thời, giá điện NLTT dễ được xã hội chấp nhận hơn so với cơ chế giá bị điều tiết. Bởi vậy, đấu thầu cạnh tranh đang dần trở thành một xu hướng và lựa chọn tối ưu của nhiều quốc gia để phát triển các nguồn điện NLTT. Các nước Châu Âu đang chuyển đổi sang áp dụng cơ chế này, thậm chí nó như một yêu cầu bắt buộc theo yêu cầu của Ủy ban Châu Âu.

Cùng với đó, cơ chế khấu trừ hóa đơn (hay công tơ hai chiều) cũng là một chính sách điển hình được áp dụng tại nhiều quốc gia. Đây là cơ chế áp dụng đối với các nguồn điện NLTT được lắp đặt tại địa điểm của khách hàng sử dụng điện và được nối vào lưới điện. Theo đó, khách hàng sẽ được giảm tiền điện thanh toán cho các công ty điện lực, thậm chí còn được nhận thêm tiền nếu sản lượng phát nhiều hơn sản lượng tiêu thụ từ lưới

điện. Cơ chế này thường kết hợp với cơ chế giá FiT (thường cao hơn giá bán lẻ điện) để khuyến khích hộ tiêu thụ lắp đặt các hệ thống điện NLTT nối lưới.

Chẳng hạn ở Mỹ, cơ chế FiT gần đây được áp dụng bắt buộc ở một số bang và thủ đô Washington. Tuy nhiên, cũng có một số công ty điện lực ở các bang khác áp dụng giá FiT tự nguyện để thực hiện các tiêu chuẩn NLTT. Cơ chế này chủ yếu áp dụng cho điện mặt trời quy mô hộ gia đình hay thương mại. Mức giá FiT dao động từ 7,5 US cent/kWh đến 54 US cent/kWh tùy từng bang và thời hạn hợp đồng FiT thường kéo dài 15-20 năm. Bên cạnh đó, hầu hết các bang khuyến khích khách hàng sử dụng điện NLTT thông qua cơ chế khấu trừ hóa đơn (hay công tơ hai chiều).

Ở Đức, sẽ có 2 mức giá để nhà đầu tư lựa chọn: hoặc là hưởng mức giá ưu đãi cố định FiT; hoặc được hưởng lợi nhuận tăng thêm từ giá phụ trội do bên truyền tải điện chi trả khi giá thị trường cao hơn giá FiT, nhưng cũng phải tự chịu rủi ro khi giá thị trường thấp hơn giá FiT. Tuy nhiên, sau 25 năm sử dụng cơ chế giá FiT, từ tháng 4/2015, nước này đã chuyển sang thí điểm cơ chế đấu thầu cạnh tranh. Dự kiến, 80% tổng công suất đặt của các nguồn NLTT mới trong tương lai sẽ được thực hiện thông qua cơ chế này.

Tại Việt Nam hiện nay, cơ chế giá FiT là cơ chế chính trong việc khuyến khích phát triển NLTT. Đối với các nguồn điện NLTT nối lưới, cứ mỗi kWh bơm vào lưới điện, đơn vị đầu tư điện NLTT sẽ được nhận một mức giá

cố định hoặc được điều chỉnh theo phương pháp rõ ràng bởi cơ quan có thẩm quyền. Đối với các dự án điện NLTT không nối lưới điện, chủ đầu tư xây dựng đề án giá điện và xác định tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, trình Bộ Công thương thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cơ chế thanh toán bù trừ mới chỉ được phép về mặt nguyên tắc theo Quyết định 2068/QĐ-TTg và việc lắp đặt công tơ hai chiều đã được cho phép tại Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01/12/2015 của Bộ Công thương.

Mới đây, tại Hội nghị bàn về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời tại Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Công thương Hoàng Quốc Vượng cho biết, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ nghiên cứu, đề xuất giá điện gió, điện mặt trời phù hợp tình hình mới vì biểu giá hiện nay (áp dụng từ năm 2013) không đáp ứng được thực tế do giá đầu vào đã có sự thay đổi.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Năng lượng Đặng Huy Cường cũng cho hay, cơ quan này đang căn cứ giá đầu vào của điện gió, điện mặt trời hiện nay, đồng thời tham khảo thêm kinh nghiệm của thế giới, từ đó cân nhắc, lựa chọn và tính toán để đưa ra mức giá phù hợp nhất nhằm khuyến khích các nhà đầu tư quan tâm nhiều hơn nữa đến lĩnh vực NLTT đầy tiềm năng của Việt Nam.

Còn theo tính toán của Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ), nếu trả thêm 5 đồng/kWh điện so với giá hiện hành thì Việt Nam có thể có thị trường NLTT cạnh tranh.■

ĐI TÌM GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

Những giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán



PHẠM NGỌC TUẤN

Vụ Tổng hợp - Kiểm toán Nhà nước

Mục tiêu Chiến lược phát triển đến năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) là "Nâng cao năng lực hoạt động, hiệu lực pháp lý, chất lượng và hiệu quả hoạt động của KTNN như một công cụ hữu hiệu của Nhà nước trong kiểm tra, giám sát quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước". Với mục tiêu Chiến lược trên, KTNN đã xác định giá trị cốt lõi của hoạt động kiểm toán của KTNN là "Minh bạch - Chất lượng - Hiệu quả - Không ngừng gia tăng giá trị".

Vai trò quan trọng của công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Là bước cuối cùng trong quy trình kiểm toán của KTNN, công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán (KL-KNKT) đóng vai trò quan trọng như là một khâu kiểm định, đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán. Qua kết quả theo dõi, kiểm tra việc

thực hiện KL-KNKT, KTNN cũng như các cơ quan hữu quan có thể đánh giá được tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm toán; thể hiện một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, đánh giá tính hiệu lực của hoạt động kiểm toán qua việc theo dõi, kiểm tra đánh giá tính tuân thủ của đơn vị được kiểm toán trong việc tổ chức thực hiện KL-KNKT. Theo quy định của Luật KTNN năm 2015,

Báo cáo kiểm toán của KTNN sau khi phát hành và công khai có giá trị bắt buộc phải thực hiện đối với đơn vị được kiểm toán về sai phạm trong việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; và đơn vị được kiểm toán có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ, kịp thời KL-KNKT của KTNN, kể cả trong thời gian giải quyết khiếu nại.

Thứ hai, việc đơn vị được kiểm toán chấp hành, thực hiện

đầy đủ, kịp thời KL-KNKT thể hiện tính đúng đắn, khả thi của KL-KNKT; cho thấy KL-KNKT được đưa ra trên cơ sở bằng chứng rõ ràng, đảm bảo cơ sở pháp lý, phù hợp thực tiễn và đạt được sự đồng thuận từ phía đơn vị được kiểm toán. Điều này phụ thuộc vào chất lượng hoạt động kiểm toán, chất lượng đội ngũ kiểm toán viên cũng như vai trò của Tổ trưởng, Trưởng đoàn kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đến lãnh đạo KTNN trong việc chỉ đạo, tổ chức điều hành hoạt động kiểm toán, kiểm soát chất lượng kiểm toán xuyên suốt các bước của quy trình kiểm toán.

Thứ ba, tác động từ việc thực hiện KL-KNKT tới quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Giá trị của báo cáo kiểm toán, hiệu quả hoạt động kiểm toán chỉ thực sự đạt được các KL-KNKT đi vào thực tiễn, mang lại những kết quả cụ thể. Thông qua hoạt động kiểm toán, KTNN kiến nghị xử lý tài chính (tăng thu, giảm chi NSNN, ...); kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, tài sản công; kiến nghị kiểm điểm, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến sai phạm được phát hiện qua kiểm toán; và kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các văn bản không phù hợp với thực tiễn, không đúng quy định. Vượt qua phạm vi tác động đối với công tác quản lý tài chính, tài sản công tại đơn vị được kiểm toán, giá trị báo cáo kiểm toán được Quốc hội, HĐND các cấp sử dụng trong quá trình xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia, của địa phương, cũng như phục vụ các hoạt động giám

sát; Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cơ quan khác của Nhà nước sử dụng trong công tác quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Việc thực hiện KL - KNKT chưa có nhiều sự chuyển biến

Tổng hợp kết quả kiểm toán trong 5 năm trở lại đây (2011-2015), KTNN đã kiến nghị xử lý tài chính 102.264 tỷ đồng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ 430 văn bản sai quy định hoặc không phù hợp với quy định chung của Nhà nước và thực tiễn; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo, tổ chức kiểm điểm trách nhiệm nhiều tập thể, cá nhân sai phạm theo quy định của pháp luật. Qua kết quả theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện KL-KNKT của 4 năm (từ năm 2011 đến năm 2014, riêng KL-KNKT năm 2015 được kiểm tra trong năm 2016) cho thấy các đơn vị được kiểm toán về cơ bản đã nghiêm túc thực hiện KL-KNKT: Số thực hiện kiến nghị xử lý tài chính 52.761 tỷ đồng/79.849 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 66,1% tổng số kiến nghị xử lý tài chính đủ bằng chứng; số văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ theo kiến nghị của KTNN là 162 văn bản/327 văn bản được kiến nghị. Tuy nhiên, việc thực hiện KL-KNKT trong những năm qua chưa có sự chuyển biến nhiều, tỷ lệ thực hiện kiến nghị xử lý tài chính năm 2011 đạt 71,6%, năm 2012 đạt 65,1%, năm 2013 đạt 63,1%, năm 2014 đạt 64,3%; số lượng văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ theo kiến

nghị của KTNN còn chưa cao, đạt tỷ lệ khoảng 50%. Nguyên nhân của hạn chế trên xuất phát từ nhiều phía, bao gồm cả những yếu tố khách quan và chủ quan, với 4 nhóm nguyên nhân chủ yếu như sau:

Trước hết, nguyên nhân đầu tiên, có tác động không nhỏ tới kết quả thực hiện KL-KNKT xuất phát chính từ những tồn tại trong hoạt động kiểm toán: (i) Chất lượng báo cáo kiểm toán, đặc biệt kiến nghị kiểm toán còn hạn chế, kiến nghị còn chung chung không rõ ràng, thiếu bằng chứng hoặc chưa chặt chẽ về cơ sở pháp lý, không phù hợp với thực tiễn dẫn tới thiếu tính khả thi và chưa nhận được sự đồng thuận từ các đơn vị được kiểm toán; tồn tại này như trên phân tích phụ thuộc nhiều vào chất lượng đội ngũ kiểm toán viên (ii) Công tác theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện KL-KNKT hiệu quả chưa cao, một số đoàn kiểm tra chưa xác định, tìm hiểu đến cùng nguyên nhân kiến nghị kiểm toán chưa thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc của đơn vị được kiểm toán để đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý; (iii) Còn nhiều khiếu nại, kiến nghị của đơn vị được kiểm toán đối với các KL-KNKT chưa được giải quyết kịp thời.

Thứ hai, nguyên nhân từ phía đơn vị được kiểm toán: (i) Một số đơn vị triển khai thực hiện kiến nghị kiểm toán chưa nghiêm túc, không triển khai thực hiện hoặc thực hiện mang tính hình thức; (ii) Đơn vị gặp khó khăn về tài chính nên chưa bố trí được nguồn để hoàn trả, nộp NSNN, đặc biệt trong thời

gian gần đây do tác động của khủng hoảng kinh tế dẫn đến nhiều doanh nghiệp nợ đọng thuế, thậm chí dừng hoạt động, phá sản; hay do thiếu vốn, nợ đọng XDCB từ NSNN chậm được xử lý; (iii) Đơn vị được kiểm toán chưa thống nhất với kiến nghị của KTNN đang đề nghị KTNN xem xét, hoặc chờ ký kiến của các bộ, ngành có liên quan; (iv) Đơn vị được kiểm toán chưa hiểu rõ cách thức thực hiện kiến nghị kiểm toán, lúng túng trong xử lý nghiệp vụ kế toán thực hiện KL-KNKT; chưa cung cấp được các bằng chứng hợp pháp, hợp lệ để chứng minh việc thực hiện.

Thứ ba, nguyên nhân từ sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện KL-KNKT. Thực tế kết quả kiểm tra cho thấy trong vấn đề này còn có sự thiếu quan tâm, quyết liệt của một số HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan tài chính, thuế, kho bạc nhà nước tại địa phương. Mặt khác, một số đơn vị trực thuộc KTNN cũng chưa thực sự chủ động, thường xuyên phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc đôn đốc, giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán, cùng tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện KL-KNKT.

Thứ tư, nguyên nhân cuối cùng là từ phía hệ thống văn bản pháp lý làm cơ sở cho kiến nghị kiểm toán, kiểm tra việc thực hiện KL-KNKT cũng còn hạn chế: (i) Nhiều văn bản quy phạm pháp luật còn chứa đựng những nội dung chưa phù hợp, thiếu nhất quán, không chặt chẽ, tạo cách hiểu và vận dụng khác

nhau, ảnh hưởng đến tính đúng đắn và khả thi của kiến nghị kiểm toán cũng như sự đồng thuận của đơn vị được kiểm toán; (ii) Pháp luật thiếu những quy định, chế tài xử lý đối với các trường hợp không thực hiện kiến nghị kiểm toán.

Những giải pháp cần thực hiện

Từ thực tế trên, để nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động kiểm toán hướng tới mục tiêu chiến lược và giá trị cốt lõi của hoạt động kiểm toán mà ngành KTNN đã xác định, theo chúng tôi trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tập trung triển khai thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2020 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt.

Hai là, nâng cao chất lượng KL-KNKT, đảm bảo tính khả thi, hạn chế tối đa việc khiếu nại của đơn vị được kiểm toán. Khi kết luận, kiến nghị xử lý, mỗi nội dung sai phạm phải căn cứ trên kết quả kiểm toán, trong đó: Phải nêu rõ tình tiết sai phạm, bằng chứng kiểm toán và căn cứ pháp lý, chủ thể có trách nhiệm thực hiện KL-KNKT làm cơ sở đôn đốc thực hiện và xử lý khi có khiếu nại.

Ba là, nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, kiểm tra thực hiện KL-KNKT. Xác định rõ nguyên nhân của những kiến nghị chưa thực hiện, đặc biệt làm rõ nguyên nhân của việc chưa thực hiện các kiến nghị sửa đổi cơ chế, chính sách, các kiến nghị kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các

sai phạm qua kiểm toán, các kiến nghị nhiều năm chưa thực hiện, chỉ rõ trách nhiệm của đơn vị chưa thực hiện kiến nghị kiểm toán. Kịp thời hướng dẫn, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện kiến nghị kiểm toán cũng như các khiếu nại về KL-KNKT của đơn vị được kiểm toán. Tăng cường phân cấp, phát huy tính chủ động gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc KTNN trong việc tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện KL-KNKT.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán. Nghiêm khắc xử lý đối với Đoàn kiểm toán, kiểm toán viên đưa ra KL-KNKT thiếu bằng chứng, không đầy đủ căn cứ pháp lý dẫn đến khó thực hiện hoặc không thực hiện được, bỏ sót sai phạm.

Năm là, công khai kịp thời, đầy đủ kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán theo quy định. Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, tăng cường trao đổi thông tin, nâng cao hiệu quả phối hợp với các cơ quan dân cử trong hoạt động giám sát thực hiện KL-KNKT; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa KTNN với các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện KL-KNKT, kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình kiểm toán.

Sáu là, Luật KTNN năm 2015 đã quy định giá trị pháp lý của Báo cáo kiểm toán cũng như nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán trong việc thực hiện KL-KNKT; song cần phải bổ sung những chế tài xử lý các trường hợp vi phạm quy định trên. ■

Chất lượng thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán - Hạn chế và giải pháp khắc phục



NGUYỄN HƯƠNG THẢO

Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VII

Trong những năm gần đây, kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) chuyên ngành VII đạt tỷ lệ khá cao. Theo báo cáo tổng kết thực hiện kiến nghị năm 2013, số kiến nghị tăng thu NSNN và thu khác đạt tỷ lệ thực hiện 100%, giảm chi thường xuyên đạt tỷ lệ thực hiện 91%, xử lý nợ tồn đọng, vay tạm ứng và ghi thu ghi chi đạt tỷ lệ thực hiện 100%. Năm 2014, kết quả thực hiện kiến nghị về xử lý tài chính đạt 88,3% số kiến nghị đủ bằng chứng kiểm toán (trong đó kiến nghị tăng thu NSNN đạt 98%, tăng thu khác đạt tỷ lệ thực hiện là 100%, giảm chi thường xuyên đạt tỷ lệ thực hiện là 76,36%), số chưa thực hiện chỉ đạt 11,7%.

Bên cạnh những kiến nghị về xử lý tài chính, các báo cáo kiểm toán cũng đã đưa ra những đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước tại các đơn vị được kiểm toán theo đúng mục tiêu trong kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt; chỉ ra các ưu điểm, những sai sót, tồn tại hạn chế; đưa ra các kiến nghị xử lý phù hợp; đề xuất các giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách, chấn chỉnh công tác quản lý, tài chính ngân sách đối với các đơn vị được kiểm toán. Ngoài ra, KTNN chuyên ngành VII cũng đã có những kiến nghị và kết luận đề nghị cơ quan chức năng cho điều

tra, xác minh làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các vi phạm: năm 2013 là 2 vụ việc tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; năm 2015 là 01 vụ việc tại Công ty chứng khoán MHBS.

Những hạn chế, tồn tại cần khắc phục

Khoản 4, Điều 16, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005 và Khoản 4, Điều 11, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 đã quy định rõ: Kiểm toán Nhà nước có quyền “kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị kiểm toán về sai phạm trong việc chấp hành pháp luật; đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật những trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước”.

Thực tế cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thực hiện kết luận và kiến nghị của các đơn vị được kiểm toán vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục. Tồn tại này xuất phát từ một số nguyên nhân sau đây:

Một là, trong một số báo cáo kiểm toán vẫn còn các kết luận, kiến nghị chung chung, thiếu khả thi, chưa đủ sức thuyết phục, chưa chỉ rõ trách nhiệm của cá

nhân và tập thể khi xảy ra sai phạm tại các đơn vị được kiểm toán. Cụ thể, khi phát hiện dấu hiệu gian lận, tham nhũng, kiểm toán viên không tiếp tục đi đến cùng để xác minh, củng cố đầy đủ chứng cứ để có kết luận cụ thể hơn về mức độ của hành vi vi phạm hoặc số liệu điều chỉnh chưa chính xác dẫn đến tình trạng phải điều chỉnh lại kết luận sau khi báo cáo kiểm toán phát hành, hiệu quả thực thi kết luận kiến nghị là không cao.

Hai là, bên cạnh những đơn vị được thực hiện kiểm toán thường xuyên hàng năm theo quy định thì vẫn còn những đơn vị thực hiện kiểm toán không thường xuyên, bởi vậy, việc theo dõi vấn đề thực hiện kết luận, kiến nghị còn hạn chế; chưa có chế tài hoặc kiến nghị xử lý kiên quyết đối với những trường hợp vi phạm không thực hiện kiến nghị của KTNN.

Ba là, do ý thức của một số đơn vị được kiểm toán chưa tốt, chưa chú trọng đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán, hoặc cố tình không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ, báo cáo sai lệch kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Bốn là, do sự quan tâm của một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa sâu sát. Khi kết thúc kiểm toán, KTNN đều gửi báo kết quả kiểm toán cho đơn vị được kiểm toán và các cơ quan

nhà nước có liên quan. Bên cạnh những cơ quan rất nghiêm túc chỉ đạo thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNN thì vẫn có một số cơ quan ít chú trọng đến vấn đề này, dẫn đến việc chỉ đạo thực hiện kiến nghị của KTNN còn chậm và không kịp thời.

Những giải pháp cần thực hiện

Từ những thực trạng và nguyên nhân trên, để nâng cao chất lượng kết luận và kiến nghị kiểm toán, theo tôi, KTNN cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường cập nhật kiến thức về pháp luật cho đội ngũ kiểm toán viên nhà nước; mở các khóa đào tạo chuyên sâu về kiểm toán sai phạm, gian lận, tham nhũng và điều tra trong hoạt động kiểm toán nhằm giúp kiểm toán viên hiểu và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy định của pháp luật, phục vụ kịp thời cho hoạt động kiểm toán. Xây dựng kho dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực chuyên ngành, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về các đầu mối kiểm toán, đơn vị được kiểm toán cũng như hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để hỗ trợ hoạt động kiểm toán, từ đó nâng cao chất lượng của các kết luận và kiến nghị kiểm toán trong các báo cáo kiểm toán phát hành.

Thứ hai, nghiên cứu sửa đổi, ban hành, hướng dẫn kết luận về trách nhiệm và kiến nghị xử lý vi phạm theo kết quả kiểm toán, tạo cảm nang hướng dẫn cho kiểm toán viên nhà nước có kết luận và kiến nghị phù hợp với những hành vi vi phạm có thể xảy ra tại các đơn vị được kiểm toán. Năm

2008, KTNN đã ban hành Hướng dẫn số 165/HD-KTNN ngày 06/3/2008 hướng dẫn kết luận về trách nhiệm và kiến nghị xử lý vi phạm theo kết quả kiểm toán, song, đến thời điểm hiện nay, một loạt các quy định của pháp luật liên quan đã được sửa đổi, bổ sung như: Luật Hình sự, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Doanh nghiệp, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán nhà nước... Do vậy, KTNN cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hướng dẫn cho phù hợp với tình hình mới.

Thứ ba, nâng cao trách nhiệm của từng kiểm toán viên và chất lượng hoạt động kiểm toán để đảm bảo các kết luận, kiến nghị là hoàn toàn chính xác, có tính khả thi cao. Đồng thời, tăng cường vai trò và chức năng kiểm tra, rà soát, thẩm định báo cáo kiểm toán của bộ phận kiểm soát chất lượng kiểm toán, thành viên hội đồng thẩm định cấp vụ nhằm tư vấn cho lãnh đạo KTNN chuyên ngành, Đoàn kiểm toán loại bỏ được những sai sót xảy ra trong quá trình kiểm toán, cũng như đưa ra các kết luận, kiến nghị phù hợp, tránh trường hợp kết luận, kiến nghị không có tính khả thi hoặc chưa đúng với chính sách, chế độ hiện hành.

Thứ tư, khi triển khai kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, cần đánh giá, xác định rõ nguyên nhân đối với các trường hợp đơn vị được kiểm toán không thực hiện theo kết luận và kiến nghị của KTNN; tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm, kịp thời làm rõ trách nhiệm trong trường hợp lỗi thuộc về kiểm toán viên, Tổ kiểm toán hoặc Đoàn kiểm toán.

Thứ năm, tổ chức theo dõi, thống kê các kết luận, kiến nghị, số liệu đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện qua các năm; cần có sự phân công cán bộ chuyên trách tổng hợp giúp lãnh đạo KTNN chuyên ngành theo dõi, giám sát, tổng hợp việc thực hiện kiến nghị của các đơn vị được kiểm toán để kịp thời đưa ra những kiến nghị xử lý đối với những trường hợp đơn vị được kiểm toán không chấp hành kết luận, kiến nghị của KTNN.

Thứ sáu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định các chế tài cụ thể xử lý các hành vi vi phạm Luật Kiểm toán nhà nước, đặc biệt là hành vi không thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị của KTNN đối với đơn vị được kiểm toán cũng như tổ chức, cá nhân có liên quan, nhằm tăng cường, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm toán cũng như tính nghiêm minh của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý các hành vi vi phạm Luật Kiểm toán nhà nước.

Thứ bảy, tăng cường công tác tuyên truyền Luật Kiểm toán nhà nước để các đơn vị được kiểm toán hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan và các cấp thẩm quyền có liên quan, đặc biệt là trong việc trao đổi và cung cấp các thông tin liên quan đến việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; tiếp tục phát huy quy chế phối hợp công tác với các cơ quan trong bộ máy nhà nước để từng bước khắc phục những khó khăn, hạn chế trong công tác thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN. ■

Cần có chế tài đối với việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN



TRẦN THỊ LỆ HÀNG

Kiểm toán Nhà nước khu vực IV

Luật Kiểm toán nhà nước được Quốc hội Khóa XIII thông qua ngày 24/6/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 quy định Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (KTNN), trong đó, vấn đề kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán là một trong bốn bước của quy trình này.

Số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ thực hiện xử lý tài chính so với số kết luận, kiến nghị của KTNN đã được cải thiện qua các năm, nhưng mức tăng chưa cao, tỷ lệ thực hiện từng năm còn thấp. Cụ thể, năm 2007 đạt 50%, năm 2008 đạt 62%, năm 2009 đạt 69%, từ năm 2011 đến năm 2014, tỷ lệ thực hiện đạt 65%. Nguyên nhân của thực trạng trên đã được thảo luận, trao đổi tại nhiều buổi thảo luận chuyên đề, đề tài nghiên cứu, bài báo của nhiều kiểm toán viên nhà nước và các chuyên gia ngoài ngành. Bài viết này chỉ phân tích một nguyên nhân chủ yếu, đó là việc chưa có chế tài đủ mạnh để yêu cầu các đơn vị được kiểm toán phải thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN.

Chưa có chế tài đối với việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Tại Luật Kiểm toán nhà nước 2005, vấn đề trách nhiệm, nghĩa vụ của KTNN trong kiểm tra



việc thực hiện kết luận và kiến nghị kiểm toán đã được quy định tại Khoản 3, Điều 16. Ngay sau khi Luật này được ban hành, các cơ quan chức năng cũng đã có các văn bản hướng dẫn chỉ đạo: Quyết định 1223/QĐ-KTNN của Kiểm toán Nhà nước ngày 06/7/2012 về Quy trình kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán; Chỉ thị số 33/2008/CT-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nghiêm các chính sách tài khóa và thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra; Quyết định số 97/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế ngày 25/01/2008 ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế trong việc xử lý, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

Tuy nhiên đến nay, vẫn chưa có quy định cũng như các chế tài cụ thể đối với các đơn vị được kiểm toán trong trường hợp các đơn vị này không thực hiện

ng nghiêm túc các kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN.

Tại Luật Kiểm toán nhà nước 2015, quyền hạn của KTNN được quy định:

►►► “Yêu cầu đơn vị được kiểm toán thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước đối với sai phạm trong báo cáo tài chính và sai phạm trong việc chấp hành pháp luật; kiến nghị thực hiện biện pháp khắc phục yếu kém trong hoạt động của đơn vị do Kiểm toán nhà nước phát hiện” (Khoản 3, Điều 11);

►►► “Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị kiểm toán về sai phạm trong báo cáo tài chính và sai phạm trong việc chấp hành pháp luật; đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật những trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước” (Khoản 4, Điều 11).

Như vậy, trong Luật Kiểm toán nhà nước 2015, các chế tài cụ thể đối với đơn vị được kiểm toán khi đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN chưa được quy định. Trong nhiều trường hợp, việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của một số đối tượng như

các doanh nghiệp, hộ kinh doanh qua công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế khi kiểm toán cơ quan thuế còn phụ thuộc vào việc đôn đốc, quản lý thu của cơ quan này. Trong khi đó, các quy định về quy chế phối hợp như Quyết định số 97/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế chỉ dừng ở quy định chung là: “Thông báo, đôn đốc các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị như nộp ngân sách số thuế truy thu, số thu hồi tiền thuế miễn, giảm và hoàn thuế sai quy định...”.

Thực tế hiện nay, đối với các cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ thu NSNN như cơ quan thuế, việc quản lý thu thuế, truy thu thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh cũng gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù Luật Quản lý Thuế và các quy trình quản lý thuế đã cho phép ban hành đầy đủ các chế tài, công cụ cưỡng chế về thuế để đảm bảo người nộp thuế thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN, như: trích tiền trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của người nộp thuế, yêu cầu phong tỏa tài khoản, khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập, thông báo hóa đơn doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh không còn giá trị sử dụng, kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp luật để thu tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp thuế vào NSNN, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh... Vậy, đối với những trường hợp đơn vị được kiểm toán cố tình không thực hiện các kiến nghị xử lý tài chính của KTNN, nếu KTNN không có biện pháp chế tài nào

khác ngoài việc “kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị kiểm toán”, thì tỷ lệ thực hiện kiến nghị kiểm toán sẽ khó có thể được cải thiện.

Mặt khác, các đối tượng phải thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNN không chỉ trong phạm vi được kiểm toán theo quy định tại Luật Kiểm toán nhà nước 2015, mà còn bao gồm các đối tượng được đối chiếu, kiểm tra gián tiếp như doanh nghiệp ngoài quốc doanh khi KTNN kiểm toán cơ quan thuế. Do đó, việc ban hành các quy định, chính sách, quy trình có tính chất chế tài để áp dụng đối với hành vi vi phạm của đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan là vấn đề phức tạp, có liên quan đến nguyên tắc xử lý, thẩm quyền xử lý, hình thức xử lý, thi hành quyết định xử lý... Bởi vậy, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nghiên cứu để xây dựng và ban hành các chế tài xử lý các hành vi vi phạm Luật Kiểm toán nhà nước, đặc biệt là hành vi không thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị của KTNN. Vấn đề này đã được đặt ra từ những năm đầu khi KTNN mới đi vào hoạt động và luôn được đề cập đến khi thực hiện báo cáo, tổng kết và rút kinh nghiệm trong quá trình theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN. Tuy nhiên cho đến nay, đây vẫn là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNN chỉ đạt ở mức thấp.

Cần những giải pháp cụ thể

Để khắc phục tình trạng trên,

chúng ta cần những giải pháp cụ thể như:

Thứ nhất, tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan trong bộ máy Nhà nước từ giai đoạn chuẩn bị, triển khai kiểm toán cho đến khi kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Thứ hai, phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan sẽ giúp việc thực hiện các kiến nghị của KTNN cũng như tổng hợp báo cáo giải trình kiến nghị được thuận lợi hơn.

Thứ ba, đổi mới quy trình quản lý đối với công tác theo dõi, kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán, giúp đối tượng được kiểm toán hiểu rõ nội dung kết luận, kiến nghị cũng như thời hạn và địa chỉ báo cáo việc thực hiện kiến nghị.

Thứ tư, nâng cao chất lượng kiểm toán nhằm đảm bảo tính phù hợp, khả thi, thuyết phục của các kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Thứ năm, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của KTNN cũng như các đối tượng được kiểm toán (các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan) để tăng cường tính thực thi pháp luật.

Trong bối cảnh các công cụ cưỡng chế thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán, các chế tài xử lý vi phạm Luật Kiểm toán nhà nước chưa được ban hành, thì việc thực hiện đồng bộ, có hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị, kết luận kiểm toán sẽ góp phần quan trọng nâng cao kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN. ■

Một số kinh nghiệm trong công tác kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

 **VƯƠNG ĐÌNH THẠCH** - KTNN khu vực XII

Hơn 05 năm hình thành và phát triển, qua 19 cuộc kiểm toán, KTNN khu vực XII đã kiến nghị xử lý tài chính 6.062 tỷ đồng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ của 30 văn bản; 137 kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, tập thể có liên quan. Kết quả kiểm tra thực hiện kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị đến thời điểm hiện tại (chưa tính kiến nghị kiểm toán của năm 2016) là 2.744 tỷ đồng/4.564 tỷ đồng (Đã loại trừ số kiến nghị điều chỉnh giảm và cộng bổ sung số kiến nghị điều chỉnh tăng, số kiến nghị kiểm toán NĐNS năm 2010 do KTNN khu vực III thực hiện) đạt tỷ lệ bình quân 60,1%; có 05/20 văn bản đã sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc thu hồi, đạt tỷ lệ 25%; có 54/87 kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, tập thể được thực hiện, đạt tỷ lệ 62%. Một số địa phương thực hiện tốt công tác thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2015 như tỉnh Kon Tum đạt 99%, tuy nhiên bên cạnh đó còn có một số tỉnh thực hiện kiến nghị chưa cao như tỉnh Gia Lai đạt 60%, tỉnh Đắk Lắk đạt 62%.

Việc thực hiện kiến nghị kiểm toán chưa cao do nhiều nguyên nhân vừa khách quan vừa chủ quan, như: Các địa phương chưa quyết liệt trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; có tình trạng chây ỳ, làm qua loa, đối phó của



đơn vị được kiểm toán, các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phối hợp của KTNN với Tỉnh ủy và các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy chưa đầy đủ; công tác đôn đốc, kiểm tra thực hiện chưa tốt; chưa có biện pháp cụ thể để chế tài các tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các kết luận, kiến nghị kiểm toán; một số kiến nghị về xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan còn chung chung, khó thực hiện .v.v...

Từ các nguyên nhân trên, để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán tại KTNN khu vực XII, chúng tôi xin nêu một số kinh nghiệm, giải pháp và đề xuất như sau:

Một là, các kết luận, kiến nghị trong các báo cáo kiểm toán cần phù hợp với thực tế của đơn

vị được kiểm toán, thực tiễn của địa phương tại thời kỳ kiểm toán và tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán; các kết luận, kiến nghị kiểm toán phải rõ ràng, có căn cứ cụ thể, tránh chung chung dẫn đến khó thực hiện. Đối với các kiến nghị về xử lý trách nhiệm công vụ cần nêu rõ quy định cụ thể của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các quy định của ngành Thuế, Kho bạc nhà nước, Hải quan, Xây dựng v.v... để tránh việc đối phó của đơn vị được kiểm toán và khó khăn trong việc kiểm tra thực hiện kiến nghị.

Hai là, hàng tháng, từng kiểm toán viên được phân công theo dõi các đầu mối kiểm toán thuộc phòng tổng hợp rà soát các kết luận, kiến nghị kiểm toán chưa được thực hiện để

đơn đốc, lưu ý phải hướng dẫn đơn vị thực hiện, lập báo cáo, cung cấp bằng chứng, từ đó có cơ sở lập kế hoạch năm về kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán. Phòng Tổng hợp cần kiểm soát hoạt động này từ khâu lập kế hoạch kiểm tra đến khi phát hành báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị, để có sự thống nhất phương pháp kiểm tra thực hiện giữa các đoàn kiểm tra, tránh tình trạng các đoàn kiểm toán có các cách xử lý không thống nhất, làm giảm hiệu lực các kết luận, kiến nghị kiểm toán. Đoàn kiểm tra phải bao gồm các kiểm toán viên có năng lực và kinh nghiệm, chỉ kiểm tra việc thực hiện, tránh việc kiểm tra thực hiện kiến nghị như hình thức kiểm toán lại, gây ra sự phản đối của đơn vị được kiểm toán; đánh giá được trách nhiệm, thái độ thực hiện, thu thập đầy đủ bằng chứng có liên quan (ví dụ như kiểm tra thực hiện kiến nghị về kiểm điểm cán

bộ, công chức thì phải chú ý: các ý kiến của cấp trên quản lý cán bộ, công chức, viên chức, cấp ủy Đảng trực tiếp về việc có xem xét kỷ luật hay không đối với việc kiểm điểm xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, các quy định của pháp luật, của ngành, tránh tình trạng các sai phạm, tồn tại lớn nhưng chỉ hợp kiểm điểm qua loa, chống đối .v.v..).

Ba là, cần phối hợp với Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy, Ban Nội chính tỉnh ủy để các đơn vị được kiểm toán, các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện kiến nghị kiểm toán, các Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện nên gửi cho Bí thư tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy, Ban Nội chính tỉnh ủy để biết, theo dõi và chỉ đạo thực hiện.

Bốn là, các Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và các kiểm toán viên đã tham gia kiểm toán cần phối hợp tốt với Phòng Tổng hợp

trong việc giải quyết các khiếu nại, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân có liên quan, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho Phòng Tổng hợp;

Năm là, nên lồng ghép việc kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán vào các cuộc kiểm toán nhằm làm giảm mật độ làm việc với đơn vị được kiểm toán, tiết kiệm thời gian của đơn vị.

Sáu là, đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành các chế tài cụ thể đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các kết luận, kiến nghị kiểm toán mà không có lý do chính đáng; hoặc kiên quyết đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật những tổ chức cá nhân không nghiêm túc thực hiện.

Bảy là, KTNN nên xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán để tiện theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo quy định.■

Đại biểu Quốc hội Phan Văn Tường (Thái Nguyên):

Tại Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2015, KTNN kiến nghị với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ 9 nội dung lớn, trong đó có đề nghị chỉ đạo các cơ quan trung ương và địa phương rà soát để hủy bỏ hoặc thay thế sửa đổi 103 văn bản không phù hợp với quy định chung của Nhà nước và đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành trung ương, địa phương, các đơn vị được kiểm toán kiểm điểm xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có sai phạm đã nêu trong báo cáo tại Phụ lục 14. Phụ lục này có 46 kiến nghị kiểm toán đề nghị kiểm điểm rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện báo cáo riêng về kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán và thanh tra của các bộ, ngành trung ương và địa phương năm 2015

để gửi tới đại biểu Quốc hội.

Vấn đề trên được thực hiện nghiêm túc và triệt để vừa là cơ sở thực tiễn để hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ công tâm, liêm chính như quyết tâm của Thủ tướng Chính phủ, vừa là sự động viên đội ngũ kiểm toán, thanh tra. Khi kết quả thực hiện kiến nghị được thông tin rộng rãi, nó sẽ tạo thêm lòng tin cho nhân dân đối với hệ thống pháp luật, đồng thời Quốc hội cũng sử dụng công cụ này hỗ trợ chức năng giám sát của mình ngày càng hiệu quả hơn. Nếu không có báo cáo việc thực hiện kết luận kiến nghị của KTNN và thanh tra, nhân dân sẽ không biết những tồn tại được sửa đổi như thế nào và bằng cách nào. Điều đó cũng làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra và kiểm toán. ■

Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối và doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối:

Sự khác biệt cơ bản

 **TRỊNH MINH THẮNG** - KTNN Chuyên ngành VI

Khi Nhà nước là cổ đông tại các công ty cổ phần

Một trong những thay đổi lớn trong Luật Doanh nghiệp 2014 (sửa đổi) là quy định doanh nghiệp nhà nước phải là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trước đây, chỉ cần Nhà nước nắm cổ phần hơn 50% thì mặc định doanh nghiệp này được xếp vào doanh nghiệp nhà nước và được quy định về cơ chế tài chính giống như doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước, đồng thời sẽ phải gánh thêm các áp lực về thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội.

Cũng theo Luật Doanh nghiệp 2014, cổ đông Nhà nước tại các công ty cổ phần có các quyền và lợi ích ngang bằng với các cổ đông khác. Lúc này, Nhà nước sẽ chỉ đóng vai trò là một cổ đông trong doanh nghiệp chứ không phải cơ quan quản lý cấp trên như từ trước đến nay. Là cổ đông, Nhà nước tham gia vào các quyết định kinh doanh và nhân sự của doanh nghiệp nhưng chỉ tương ứng với tỷ lệ vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đó. Đồng thời, cổ đông Nhà nước chia sẻ với các cổ đông khác mục tiêu chung là hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, sự gia tăng giá trị của doanh nghiệp và giá trị cổ phiếu trên thị trường.

Theo Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp được “tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm”. Nguyên tắc này khác biệt với nguyên tắc “chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” của các cơ quan công quyền. Như vậy, nếu Nhà nước là cổ đông, đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp cũng sẽ phải tôn trọng nguyên tắc này trong quá trình tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp. Mặt khác, các ý tưởng kinh doanh cũng đòi hỏi thời gian xử lý nhanh với nhiều phương án khác nhau thì doanh nghiệp

mới có thể nắm bắt các cơ hội trên thị trường. Vì vậy, cá nhân hay tổ chức đại diện cho cổ đông Nhà nước cũng cần một cơ chế linh hoạt và thông thoáng để tiếng nói của cổ đông Nhà nước không ảnh hưởng tới tính kịp thời và hiệu quả trong việc đưa ra các quyết định của doanh nghiệp, dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các thông lệ quản trị doanh nghiệp hiện đại.

Sự khác biệt cơ bản trong công tác quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối và doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối

Sự khác biệt này được thể hiện qua các mặt sau:

** Khác biệt về chủ sở hữu và vai trò kiểm soát*

►► Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối: Nhà nước là chủ sở hữu chi phối phần vốn lớn nhất của doanh nghiệp thì có quyền tham gia vào quá trình quản lý doanh nghiệp với các quyền cơ bản như: Quyết định số phận của doanh nghiệp, thành lập, phá sản, giải thể, sát nhập, chuyển nhượng ...; Quyết định điều lệ, mức vốn điều lệ; Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý; Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phân phối lợi nhuận;

Thông qua người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động của doanh nghiệp nhằm đáp ứng các mục tiêu về lợi nhuận, sản lượng và các mục đích khác. Việc quản lý người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện thể hiện qua Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ, trong đó nêu rõ “Người đại diện phần vốn nhà nước được bầu, bổ nhiệm giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ, cơ quan ngang



Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ quản lý ngành), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) làm chủ sở hữu vốn đầu tư vào các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty nhà nước sau cổ phần hóa; công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi chung là tập đoàn, tổng công ty, công ty), bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng thành viên; Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Giám đốc; Phó Giám đốc; Người đại diện phần vốn nhà nước được quy định tại Khoản này gọi chung là người đại diện”.

Bên cạnh đó, thông qua các cơ quan quản lý, như Bộ Tài chính, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Bộ Kế hoạch và đầu tư ... Nhà nước thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối. ▶▶ Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối: Chủ sở hữu là các cổ đông, mọi quyết định đều thuộc về Đại hội đồng cổ đông và

Hội đồng quản trị (được giao quyền giới hạn), như: Quyết định số phận của doanh nghiệp, thành lập, phá sản, giải thể, sát nhập, chuyển nhượng ... ; Quyết định điều lệ, mức vốn điều lệ; Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý; Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phân phối lợi nhuận và các quyết định khác.

Nhà nước lúc này chỉ như một cổ đông và có quyền bình đẳng như các cổ đông khác theo luật định, thông qua người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nhà nước thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi của mình.

Việc kiểm soát mọi hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết này phải được thực hiện trong giới hạn pháp luật cho phép.

** Khác biệt về cơ sở pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh;*

Về cơ bản, mọi hoạt động của các doanh nghiệp đều phải chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp

và các chế tài về quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối còn chịu sự tác động về điều tiết của các văn bản dưới luật như :

»»» Đối với các thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành quản lý nhà nước (phạm vi điều tiết khác nhau giữa hai loại hình doanh nghiệp này);

»»» Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ;

»»» Các văn bản có tính định hướng về phát triển kinh tế, chính trị, của Nhà nước, khu vực và địa phương;

»»» Các văn bản, quy định của các tổ chức chính trị xã hội như : Tổ chức Công đoàn, thanh niên, phụ nữ, hội cựu chiến binh ... :

** Khác biệt về mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh*

»»» Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối: Mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh chính là nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, những người đã bỏ vốn ra đầu tư vào doanh nghiệp, quyền lợi chính đó là lợi nhuận và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thông qua Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông quyết định mục tiêu, định hướng phát triển của doanh nghiệp, các mục tiêu, định hướng này được thể hiện qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nhà quản lý doanh nghiệp chỉ việc thực hiện theo nghị quyết.

»»» Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối: Ngoài mục tiêu cơ bản là sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng như mang lại lợi nhuận cao, doanh nghiệp còn có các mục tiêu khác để hướng tới hoặc bắt buộc phải thực hiện, điều này xuất phát từ tính sở hữu của doanh nghiệp làm phát sinh các mục tiêu khác như:

+ Mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, tạo việc làm cho người lao động, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động...

+ Thực hiện các mục tiêu chính trị của Đảng và Nhà nước; thông qua các tổ chức Đảng tại doanh nghiệp, chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện các mục tiêu, kế hoạch, chỉ thị, nghị quyết của Đảng cũng như của Nhà nước;

+ Thực hiện các mục tiêu về An ninh quốc phòng, nhất là đối với các doanh nghiệp đóng trên các địa bàn trọng điểm về an ninh quốc phòng như: vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa...

** Khác biệt về trích quỹ và phân phối lợi nhuận;*

»»» Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối: việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận còn lại theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, với nhiệm vụ chính là trả cổ tức cho các cổ đông, phần trích lập các quỹ thường là rất ít, vì mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh chính là nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, những người đã bỏ vốn ra đầu tư vào doanh nghiệp, quyền lợi chính đó là lợi nhuận và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

»»» Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối: Việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận theo hướng dẫn và quy định cụ thể tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính theo đó việc trích lập các quỹ phải đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng như đảm bảo được các mục tiêu về an sinh xã hội và các mục tiêu chính trị khác.

Công tác kiểm toán đối với hai loại hình doanh nghiệp

Nhận thức được sự khác biệt cơ bản của doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối và doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối trong công tác quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, xuất phát từ tính sở hữu vốn khác nhau, mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có những khác biệt, từ đó đòi hỏi công tác kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) đối với hai loại hình doanh nghiệp này cũng khác nhau, sự khác biệt cơ bản trong công tác kiểm toán được thể hiện trên các mặt sau:

»»» Cơ sở pháp lý tổ chức thực hiện kiểm toán;

»»» Văn bản quy phạm pháp luật về chế độ tài chính;

»»» Trách nhiệm của chủ sở hữu doanh nghiệp, đại diện vốn của chủ sở hữu và mục tiêu hoạt động SXKD;

»»» Tổ chức thực hiện kiểm toán và kiến nghị kiểm toán;

Đối với mỗi loại hình doanh nghiệp, KTNN chuyên ngành VI, đơn vị được KTNN giao nhiệm vụ thực hiện kiểm toán đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước tham gia sẽ xây dựng và ban hành các mô hình, cách thức, phương pháp kiểm toán phù hợp, nhằm từng bước mang lại hiệu quả cao nhất trong công tác kiểm toán, góp phần từng bước nâng cao vị thế của KTNN trong hệ thống quản lý nhà nước.■

Kết quả kiểm toán Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Đầu tư nhiều nhưng kém hiệu quả

 **THÙY LÊ**

Công tác quản lý vốn đầu tư nói chung và của các Bộ, ngành trung ương nói riêng là vấn đề luôn được Quốc hội và Chính phủ quan tâm, trong đó, vấn đề nổi cộm nhất và được nhắc đến nhiều nhất chính là tình trạng quản lý chi phí đầu tư không hiệu quả, dẫn tới đội vốn, kéo dài thời gian thi công. Kết quả kiểm toán hàng năm của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) cũng đã nhiều lần phát hiện và đưa ra kiến nghị đối với căn bệnh khó chữa này. Tại cuộc kiểm toán ngân sách tiền và tài sản nhà nước năm 2013 đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), một lần nữa, thực trạng trên lại được KTNN chỉ rõ.

Giao và phân bổ vốn dàn trải, không sát thực tế

Năm 2013, Bộ NN&PTNT được giao 10.190 tỷ đồng kế hoạch chi đầu tư phát triển, bằng 76% nhu cầu; trong đó: vốn ngân sách tập trung được giao 4.490 tỷ đồng và vốn trái phiếu Chính phủ 5.700 tỷ đồng. Căn cứ kế hoạch vốn được giao, ngày 10/01/2013, Bộ đã phân bổ 4.328,5 tỷ đồng vốn ngân sách tập trung cho các dự án được giao chi tiết, và đến 11/6/2013 thì phân bổ hết phần vốn còn lại.

Theo Báo cáo kiểm toán của KTNN, Bộ NN&PTNT phân bổ vốn cho một số dự án không phù hợp với quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số

1756/QĐ-BKHĐT ngày 20/12/2012). Cụ thể: phân bổ kế hoạch vốn cho 7 dự án thấp hơn mức giao 71,5 tỷ đồng; phân bổ 150 tỷ đồng cho dự án nâng cấp khu dịch vụ hậu cần nghề cá đảo Đá Tây - Trường Sa (giai đoạn 2) không có trong quyết định giao vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số vốn không phân bổ hết được giữ lại đến 11/6/2013 mới phân bổ là không đúng theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước (việc phân bổ kế hoạch vốn phải hoàn thành trước 31/12 năm trước năm kế hoạch).

Chiếu theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây

dựng công trình, một số dự án bố trí vốn còn dàn trải, kéo dài, quá thời gian 3 năm đối với nhóm C, 5 năm đối với nhóm B. Đó là: Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường Quốc lộ 1A - đỉnh Bạch Mã bố trí vốn trong 6 năm từ 2008-2014; Dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Lạng Sơn cũng bố trí vốn 6 năm. Với riêng Dự án Nâng cấp và mở rộng Cảng cá Lạng Bạng, Thanh Hóa, tổng mức phê duyệt quyết toán là 176,1 tỷ đồng, nhưng đến thời điểm kiểm toán, dự án mới được bố trí 163,7 tỷ đồng. Theo đánh giá của KTNN, Bộ NN&PTNT đã phê duyệt quyết toán dự án không đảm bảo thứ tự ưu tiên theo quy định tại văn bản số 4726/BKHĐT-TH ngày 29/6/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong khi đó, một số dự án lại được bố trí kế hoạch vốn vượt tổng mức đầu tư, như Dự án Đầu tư xây dựng công trình, phương tiện, thiết bị cho trạm Kiểm lâm vùng II được bố trí 66,4/65,1 tỷ đồng (vượt 1,3 tỷ đồng). Trong quá trình thực hiện, chủ đầu tư dự án này còn thanh toán Gói thầu số 9 vượt giá trị quyết toán 11 tỷ đồng; Dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Lạng Sơn cũng được bố trí vượt 1,4 tỷ đồng...

Chi phí tăng, thời gian kéo dài

Kết quả kiểm toán chi tiết tại các dự án cho thấy, nhiều dự án như: Dự án Đầu tư xây dựng công trình, phương tiện, thiết bị cho trạm Kiểm lâm vùng II; Dự

án Xây dựng Trung tâm chăn nuôi thú y Trung ương; Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường Quốc lộ 1A - đỉnh Bạch Mã... chưa xác định rõ chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng và yếu tố trượt giá theo chỉ số giá quy định tại Điều 5, Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Một số dự án chưa lường hết những hạng mục cần thiết phải đầu tư để đảm bảo tính đồng bộ, nên khi thực hiện phải bổ sung, điều chỉnh dự án nhiều lần làm thời gian thực hiện bị kéo dài và tăng chi phí đầu tư. Cụ thể: bổ sung 456,8 triệu đồng cho phần động lực học, rãnh thoát nước tại

Gói thầu số 7, Dự án Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Cơ điện xây dựng Tam Điệp; bổ sung 734 triệu đồng cho phần sân vườn nhà hội trường và 565 triệu đồng xây sân vườn nhà thư viện tại Dự án Đầu tư xây dựng Trường cao đẳng nghề Cơ khí Nông nghiệp giai đoạn 1.

Đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán và tổng dự toán, KTNN cũng đã chỉ ra nhiều thiếu sót. Một số dự án không được chủ đầu tư phê duyệt nhiệm vụ thiết kế làm căn cứ để nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình (Dự án Đầu tư xây dựng công trình,



phương tiện, thiết bị cho trạm Kiểm lâm vùng II; Dự án Xây dựng Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương; Dự án Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Cơ điện xây dựng Tam Điệp). Việc xác định khối lượng dự toán gói thầu xây lắp của các dự án được kiểm toán chi tiết còn có nội dung chưa chính xác, qua kiểm toán đã phát hiện loại bỏ một số khối lượng tính thừa, tính trùng và chỉ ra một số khối lượng tính thiếu so với bản vẽ thiết kế thi công được duyệt (Dự án Xây dựng Trung tâm chuẩn đoán thú y Trung ương; Dự án Nâng cấp cảng cá Phan Thiết, Bình Thuận)...

Tính đến 31/12/2013, có đến 10 dự án chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính là do một số dự án thực hiện thủ tục đầu tư chậm, công tác giải phóng mặt bằng vướng mắc, bố trí vốn không kịp thời. Qua kiểm toán chi tiết các dự án đầu tư, một số gói thầu xây lắp không hoàn thành đúng tiến độ cam kết trong hợp đồng ban đầu, phải gia hạn kéo dài thời gian thực hiện làm tăng chi phí đầu tư do chi phí nhân công và giá vật liệu tăng (Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường Quốc lộ 1A - đỉnh Bạch Mã và Dự án Xây dựng Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương...).

Ngoài ra, trong năm 2013, các chủ đầu tư đã tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 528 gói thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi, tổng giá trúng thầu là 3.940 tỷ đồng, giảm gần 895 tỷ đồng (19%) so với giá trị các gói thầu. Qua kiểm toán chi tiết, KTNN đã phát hiện một số gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc Dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường

Quốc lộ 1A - đỉnh Bạch Mã và Dự án xây dựng Trung tâm chẩn đoán thú y Trung ương thực hiện chỉ định thầu trước khi có quyết định đầu tư và kế hoạch đấu thầu. Điều này không đúng theo quy định của Luật Xây dựng. Tại Dự án Nâng cấp cảng cá Phan Thiết và Dự án Đầu tư xây dựng công trình, phương tiện, thiết bị cho Kiểm lâm vùng II, chủ đầu tư không đăng tải kế hoạch đấu thầu và kế quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu lớn hơn 5 tỷ đồng theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Qua kiểm toán chi tiết 11 dự án, phần lớn nhật ký thi công tại các công trình còn nhiều thiếu sót, một số nhà thầu tư vấn thiết kế chưa lập quy trình bảo trì công trình theo đúng quy định tại Điều 33 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình (Dự án Xây dựng Trường Cao đẳng nghề cơ khí Nông nghiệp; Dự án Xây dựng Trường Cao đẳng nghề cơ điện xây dựng Tam Điệp...).

Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Những sai sót nêu trên đã phần nào làm giảm tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản của Bộ NN&PTNN. Vì vậy, sau khi thực hiện kiểm toán chi tiết, KTNN đã có những kiến nghị cụ thể như sau:

Về xử lý tài chính, KTNN kiến nghị xử lý 14,2 tỷ đồng, trong đó, tại các đơn vị dự toán, đơn vị sự nghiệp là 11,5 tỷ đồng; tại các dự án đầu tư xây dựng cơ bản là 2,7 tỷ đồng.

KTNN đề nghị Bộ cần tập trung bố trí theo thứ tự ưu tiên

nhằm giải quyết dứt điểm tình trạng nợ đọng trong đầu tư xây dựng, cải thiện việc bố trí vốn cho dự án kéo dài quá thời gian quy định; chấm dứt tình trạng bố trí vốn vượt tổng mức đầu tư, phân bổ vốn không đúng theo kế hoạch Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao; thực hiện đầy đủ chế độ, mẫu biểu báo cáo theo quy định; ban hành quyết định đầu tư đầy đủ nội dung, xác định đầy đủ chi phí dự phòng; nghiên cứu giải pháp phù hợp trong công tác quản lý, điều hành, khắc phục tình trạng thanh toán vốn ứng trước đạt tỷ lệ thấp, hủy bỏ kế hoạch vốn đã được giao trong khi một số dự án hoàn thành còn thiếu vốn thanh toán.

Bộ NN&PTNN cần chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án quá thời hạn; lập quy trình bảo trì công trình theo đúng quy định; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu cho các gói thầu cần thực hiện trước khi dự án được duyệt; đăng ký đầy đủ thông tin theo quy định trong việc lựa chọn nhà thầu; thu hồi 11 tỷ đồng số tiền vượt giá trị quyết toán tại Gói thầu số 9, Dự án Đầu tư xây dựng công trình, phương tiện, thiết bị cho trạm Kiểm lâm vùng II.

Ngoài ra, KTNN cũng đề nghị Bộ Tài chính thẩm định phương án phân bổ dự toán NSNN của các Bộ, ngành kịp thời theo quy định; hướng dẫn một số khoản chi đặc thù về nội dung và định mức đối với văn phòng các Bộ, ngành trung ương, nhằm khắc phục tình trạng giao dự toán chi vượt định mức theo quy định tại Quyết định số 59 của Thủ tướng Chính phủ. ■

Canada: Kiểm toán mua máy bay F35 - Cuộc kiểm toán hoạt động hiệu quả

 **HÀ MINH TRUNG**

Tháng 4/2012, KTNN Canada đã công bố báo cáo kiểm toán đối với sự tham gia của Canada vào Chương trình máy bay tiêm kích kết hợp tấn công mặt đất (JFS) và quá trình mua sắm máy bay F35 (gọi tắt là cuộc kiểm toán mua máy bay F35). Theo đánh giá của KTNN Canada, cuộc kiểm toán này là quan trọng vì mua sắm và duy trì máy bay F35, cũng như bất kỳ máy bay nào khác, đòi hỏi sự cam kết tài chính dài hạn. Khi đó, máy bay F35 vẫn đang trong giai đoạn phát triển và thử nghiệm và ước tính về chi phí mua, bảo dưỡng và vận hành vẫn đang được hoàn thiện và chưa chắc chắn. Những quyết định về vấn đề này sẽ có ảnh hưởng đến 40 năm sau.



JFS có mục tiêu thiết kế, phát triển và sản xuất máy bay chiến đấu thế hệ thứ 5 với sự tham gia của một số nước phương Tây và Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada), trong đó Hoa Kỳ là nhà tài trợ chính. Sản phẩm của Chương trình là máy bay chiến đấu F35, lần đầu tiên được biên chế cho Quân đội Hoa Kỳ năm 2016. Các nước thành viên cam kết đóng góp tài chính cho Chương trình và đăng

ký số lượng máy bay sẽ mua, đổi lại sẽ nhận được các hợp đồng liên quan đến thiết kế, phát triển và sản xuất máy bay F35 với giá trị tương ứng tỷ lệ tham gia Chương trình.

Nội dung kiểm toán tập trung vào việc đánh giá xem Bộ Quốc phòng, Bộ Công nghiệp và Cơ quan quản lý mua sắm công có quản lý hiệu quả việc tham gia Chương trình và quản lý hiệu quả quá trình ra quyết định mua

máy bay F35 thay cho máy bay CF18 (sẽ hết hạn sử dụng năm 2020) hay không. Như vậy, nội dung kiểm toán tập trung vào khía cạnh quản lý và hoạt động của các cơ quan chính phủ, không tập trung vào hoạt động của nhà thầu và khả năng vận hành của máy bay F35.

Cuộc kiểm toán mua máy bay F35 có nhiều phát hiện quan trọng, như: các dự báo về lợi ích tham dự của ngành công nghiệp

Canada vào chương trình không được chắc chắn, thiếu sự trao đổi và tham vấn trong quá trình mua máy bay, rủi ro về đội giá và chậm giao máy bay không được trao đổi với những người có trách nhiệm ra quyết định...; tuy nhiên, phát hiện lớn nhất là tổng chi phí toàn bộ vòng đời máy bay có xu hướng được ước tính thấp hơn số thực sự. Tổng giá trị ước tính liên quan đến 65 máy bay F35 do Bộ Quốc phòng công bố năm 2010 là 25 tỷ đô la Canada, trong đó 9 tỷ là giá mua máy bay và vũ khí ban đầu, 16 tỷ là chi phí bảo dưỡng và vận hành trong 20 năm. Ước tính này không thể hiện hết chi phí gắn với toàn bộ vòng đời máy bay, đồng thời hạ thấp chi phí vận hành, nhân sự và bảo dưỡng cũng như một số chi phí mua sắm khác; cũng không tính đến một số chi phí cho thay thế máy bay do tổn thất và hư hỏng, chi phí nâng cấp phần cứng và phần mềm và chi mua vũ khí trong tương lai.

Trong báo cáo kiểm toán, KTNN Canada đã khuyến nghị Bộ Quốc phòng cần điều chỉnh ước tính mua máy bay F35 theo hướng phản ánh đầy đủ chi phí liên quan đến toàn bộ vòng đời của máy bay F35 và cung cấp bản ước tính cùng với những giả định liên quan đến ước tính càng sớm càng tốt. Thêm nữa, Bộ Quốc phòng cần định kỳ thông báo chi phí thực tế diễn ra trong suốt vòng đời của máy bay F35. Bộ Quốc phòng cho biết, Bộ đồng ý với các kiến nghị kiểm toán và sẽ điều chỉnh ước tính, đồng thời cam kết sẽ thông báo chi phí ước tính và thực tế theo định kỳ. Tổng chi phí ước tính liên quan đến 65 máy bay F35

Sau khi báo cáo kiểm toán được công bố, Chính phủ Canada đã tích cực thực hiện kiến nghị kiểm toán. Bộ Quốc phòng - Cơ quan phụ trách mua sắm công tuyên bố sẽ ngừng các khoản chi mua sắm máy bay F35 cho đến khi quá trình thay thế máy bay CF18 được thực hiện tốt, được giám sát chặt chẽ và minh bạch.

Cuộc kiểm toán mua máy bay F35 được đánh giá là cuộc kiểm toán có giá trị cao, thu hút sự quan tâm của Chính phủ, Quốc hội và đông đảo dư luận Canada lúc bấy giờ.

sau đó được công bố lên tới 45,8 tỷ đô la Canada, gần gấp đôi con số ban đầu là 25 tỷ.

Có thể nói, cuộc kiểm toán đã mang lại những giá trị và lợi ích to lớn cho Canada. Trước hết, có thể khẳng định KTNN Canada tham gia kiểm toán đúng thời điểm. Bởi vì, Chính phủ Canada công bố quyết định mua và ước tính chi phí gói mua sắm máy bay F35 với giá 25 tỷ đô la Canada vào năm 2010, dự tính đợt giao máy bay đầu tiên vào năm 2019. Tại thời điểm này, Canada mới chi 0,335 tỷ cho Chương trình. Đồng thời, Quốc hội cũng chưa duyệt khoản mua sắm này và Canada chưa ký hợp đồng mua sắm. Do đó, Canada sẽ không phải chịu khoản phạt hủy hợp đồng nếu rút khỏi Chương trình, tuy các nhà thầu Canada sẽ mất các hợp đồng tương lai liên quan đến máy bay F35. Bên cạnh đó, KTNN Canada thực hiện kiểm toán năm 2011 và báo cáo được công bố đầu năm 2012. Việc kiểm toán vào giai đoạn này giúp cho Chính phủ và Quốc hội Canada có thời gian gần 7 năm nghiên cứu các lựa chọn, cân nhắc chi phí và lợi ích, từ đó hoàn thiện các quyết định liên

quan. Mặt khác, hiệu quả cuộc kiểm toán cho thấy, KTNN Canada lựa chọn trúng chủ đề và đúng trọng tâm kiểm toán. Chương trình JFS thuộc loại quy mô lớn và phức tạp, bên cạnh các vấn đề về quản lý và tài chính, còn có những vấn đề khác liên quan đến nhân sự, tính năng kỹ thuật và khả năng vận hành của máy bay F35. Tuy nhiên, KTNN Canada đã xác định rõ nội dung kiểm toán tập trung vào việc đánh giá hoạt động quản lý của các cơ quan liên quan, không tập trung vào hoạt động của nhà thầu và khả năng vận hành của máy bay F35. Việc xác định đúng nội dung đã giúp KTNN Canada tập trung thời gian và nhân lực thực hiện các thủ tục kiểm toán một cách có hiệu quả, mang lại những phát hiện và kiến nghị có giá trị.

Cũng phải nói thêm rằng, báo cáo kiểm toán của KTNN Canada mang tính cân bằng - ghi nhận cả những khía cạnh tích cực và mặt hạn chế trong hoạt động quản lý của các cơ quan liên quan - một yếu tố quan trọng đã góp phần làm tăng giá trị và lợi ích của báo cáo kiểm toán hoạt động. ■

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Tháng 12

Em chào anh chàng trai tháng mười hai
Nụ cười ấm mang nắng về tựa cửa
Để nỗi nhớ vơi dần không thêm nữa
Khúc giao mùa ấm áp lấm bàn tay...

Tháng mười hai trời cũng xếp lại ngày
Mây hối hả giăng mưa buồn đêm vắng
Gió vi vút len vào lòng chớm lạnh
Anh vụng về góp nhặt mảnh trăng mơ...

Tháng mười hai thỏn thức ghép vần thơ
Em cô gái bỗng thấy mình trẻ lại
Môi hé nở giữa đồng vàng hoa cải
Đông đang về gọi mãi khúc yêu thương...

NGÔ MAI LINH

Nỗi niềm khách trọ

Thân như là chớp ảnh
Tinh như là khói mây
Đanh như là nước chảy
Nỗi buồn như rượu say

Ta như là khách trọ
Trên trần gian tháng ngày
Một mai về hoa cỏ
Bàn tay buông bàn tay

Phía trước thì vội xa
Phía sau thì vội tới
Một cánh chim phiêu dạt
Giữa mênh mông đất trời

Thì thôi đừng hờn giận
Thì thôi đừng đáng cay
Trăm năm là một thoáng
Sông trôi rồi mây bay...

TRẦN THỊ LAM

TỔNG MỤC LỤC ĐẶC SAN BÁO KIỂM TOÁN NĂM 2016

TT	TÊN TÁC GIẢ	TÊN BÀI - CHUYÊN MỤC	SỐ
GẶP GỠ ĐẦU NĂM			
1	Vũ Văn Họa	Năm 2016, KTNN sẽ đẩy mạnh loại hình kiểm toán hoạt động cả về chiều rộng và chiều sâu...	1
2	Nguyễn Đức Kiên	Kết quả kiểm toán giúp chúng ta biết kinh tế Việt Nam đang đứng ở đâu	1
3	Vương Đình Huệ	Thực hiện quyết liệt trọng tâm kinh tế 2016 với tinh thần quốc gia khởi nghiệp	2
30 NĂM ĐỔI MỚI VÀ CHẶNG ĐƯỜNG TIẾP THEO			
1	Vương Đình Huệ	Hai vấn đề phát triển kinh tế cho chặng đường tiếp theo	1
2	Nguyễn Sĩ Dũng	Động lực cho chặng đường tiếp theo sự thần kỳ của 30 năm đổi mới	1
3	Trần Du Lịch	Thành tựu của đổi mới là tiền đề để hội nhập và phát triển bền vững	1
4	Trần Đình Thiên	30 năm đổi mới và những thành tựu kinh tế xã hội nổi bật	1
5	Lê Quốc Phương	Hội nhập kinh tế quốc tế - những ấn tượng qua 30 năm đổi mới	1
KINH TẾ VIỆT NAM 2015 VÀ TRIỂN VỌNG 2016			
1	Nguyễn Minh Phong	Ba điểm sáng nổi bật trong phát triển kinh tế Việt Nam 2015	1
2	Cao Sỹ Kiêm	Có nhiều cơ hội để kỳ vọng về một nền kinh tế ổn định và phát triển trong năm 2016	1
3	Vũ Đình Anh	Điều đặc biệt của diễn biến chỉ số giá tiêu dùng năm 2015	1
4	Cần Văn Lực	Kỳ vọng vào một thị trường vốn phát triển hơn khi hội nhập	1
5	Trần Kim Chung	Hội nhập và tái cơ cấu kinh tế sẽ tác động như thế nào tới thị trường BDS	1
6	Cao Sỹ Kiêm	Một năm nỗ lực trong việc điều hành chính sách tiền tệ	2
7	Trần Du Lịch	Năm 2016, triển vọng lớn nhất là tận dụng cơ hội của hội nhập	2
8	Đặng Hùng Võ	Thị trường bất động sản 2016: Hãy cứ yên tâm mà đầu tư!	2
9	Nguyễn Minh Phong	Triển vọng thị trường chứng khoán 2016 không dễ đoán định	2
10	Nguyễn Võ Khánh Việt	Tình hình ngân sách nhà nước sẽ thế nào trong thời hội nhập?	2
TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG			
1	Hà Thị Mỹ Dung	Đảng cai Đại hội ASOSAI lần thứ 14 là cơ hội rất tốt cho KTNN trong quá trình hội nhập quốc tế	3
2	Trương Hùng Long	Đề có lực lượng sẵn sàng thay thế khi Việt Nam “tốt nghiệp” ODA	4
3	Cao Sỹ Kiêm	KTNN cần bám sát quá trình tái cơ cấu kinh tế	5
4	Đặng Quyết Tiến	KTNN đã phát hiện ra những vấn đề phát sinh trong quá trình tái cơ cấu DNNN	6
5	Đặng Hùng Võ	Vai trò quan trọng của KTNN là đưa ra đề xuất để bịt kẽ hở pháp luật	7
6	Nguyễn Đức Kiên	UBTVQH sẽ có công văn yêu cầu KTNN kiểm toán các dự án BOT	8
7	Đặng Thái Hùng	Dịch vụ kế toán, kiểm toán chỉ có thể phát triển khi môi trường kinh doanh thông thoáng	9
8	Trần Đức Thắng	Sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và câu chuyện khoản xe công đối với một số chức danh	10
9	Võ Trí Thành	Phát triển xanh - công cuộc gian khổ nhưng đầy hứa hẹn	11
10	Hoàng Quang Hàm	Nền móng đã được đặt, cần có định hướng phù hợp cho chặng đường tiếp theo	12
VẤN ĐỀ HÔM NAY			
1	Vũ Đình Anh	Thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2016: Quan trọng nhất là siết chặt kỷ luật tài khóa	3
2	Thùy Lê	Quyền sở hữu trí tuệ - vấn đề nan giải của doanh nghiệp Việt trong thời hội nhập	3
3	Minh Trí - Minh Phong	Nhận diện “bẫy” kinh doanh đa cấp	3
4	Thùy Lê	Phát huy tối đa lợi thế của các địa phương bằng liên kết vùng	4
5	Vũ Đình Anh	Khi ngân sách địa phương được phép bội chi	4
6	Nguyễn Minh Phong	Quỹ Bảo hiểm xã hội - mối quan ngại và triển vọng	4
7	Nguyễn Việt Lợi	Hệ thống ngân hàng Việt Nam chờ đón thách thức từ hội nhập	4
8	Đình Hiền	Thị trường bất động sản Việt Nam: Khát vốn trên đà tăng trưởng!	4
9	Phan Trường Giang	KTNN trước những cơ hội và thách thức của hội nhập quốc tế	5
10	Hồng Nhung	Khi chính quyền là đơn vị cung ứng dịch vụ cho người dân, hay một cách nhìn khác về vai trò quản trị của Nhà nước	5
11	Nguyễn Minh Phong	Đẩy mạnh xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường	5
12	Trần Nguyên	Giảm thuế nhập khẩu ô tô: Hy vọng và áp lực	5
13	Vũ Đình Anh	Thiếu công bằng trong thu chi ngân sách địa phương - đâu là lối thoát?	6
14	Tuyết Chi	Đừng để các dự án BOT giai thông trở thành “lợi bất cập hại”	6
15	Thùy Anh	Vốn cho công nghiệp hỗ trợ: DN và các định chế tài chính cần phải “chia ngọt, sẻ bùi”	6
16	Hồng Anh	Hàng tỷ USD có thể bị thất thoát từ kẽ hở của chính sách thuế tài chính	6
17	Thu Hường	Làm sao để giám sát hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính ngoài NSNN?	7
18	Trần Nguyên	Nợ thuế - bài toán khó đang cần lời giải	7
19	Thùy Anh	Nghề kế toán, kiểm toán: Đối mặt thách thức toàn cầu hóa	7
20	Hồng Nhung	“Con tàu” cải cách phải thay đổi để thích nghi với “đường ray” mới	7
21	Tuyết Chi	Một nguyên nhân của sự “không chịu phát triển”	8
22	Thùy Anh	Kế toán, kiểm toán trở thành niềm hy vọng cho sự phát triển bền vững	8
23	Hồng Nhung	Quá trình sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp: Có cán đích đúng hẹn?	8
24	Trần Nguyên	Logistics Việt Nam và khát vọng vươn lên cùng hội nhập	9
25	Nguyễn Ly	Lương tối thiểu tăng nhưng thu nhập người lao động giảm: Thực tế hay ngộ biện	9
26	Hồng Nhung	Thu hút đầu tư và bảo vệ môi trường: Cần sự tỉnh táo, trách nhiệm khi lựa chọn	9
27	Hồng Nhung	Dự án Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sửa đổi) và bản khoản của các chuyên gia	10
28	Trương Hùng Long	Cơ chế cho vay lại đối với nguồn vốn vay nước ngoài có gì mới	10
29	Thu Hường	Ngành kiểm toán sẽ phá vỡ cách thức truyền thống	10
30	Thùy Anh	Công khai Báo cáo tài chính nhà nước: Nỗ lực và bản khoản	10

TT	TÊN TÁC GIẢ	TÊN BÀI - CHUYÊN MỤC	SỐ
31	Minh Anh	Báo cáo tài chính nhà nước: Làm sao để tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”	11
32	Thùy Anh	Cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi	11
33	Thùy Lê	Đề xuất tăng tuổi nghỉ hưu: Cần thiết nhưng phải có lộ trình phù hợp	11
34	Hồng Nhung	Đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập: Việc thực hiện vẫn chưa sẵn sàng	11
35	Đinh Hiền	Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - cuộc chiến khốc liệt	12
36	Thùy Anh	Thu ngân sách từ thuế xuất nhập khẩu gặp khó: Tại sao?	12
37	Bắc Sơn	Quản lý sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế: Nhiều công cụ kiểm soát nhưng chưa hiệu quả	12
38	Hồng Nhung	Phát triển năng lượng tái tạo: Cơ chế giá chưa hấp dẫn nhà đầu tư	12
CHUYÊN ĐỀ “KIỂM TOÁN VIỆT NAM BƯỚC VÀO HỘI NHẬP”			
1	Lương Hoàng Thái	Lao động kế toán và kiểm toán trong AEC: Công nhận chứng chỉ nghề nghiệp	2
2	Đặng Thái Hùng	Hội nhập kế toán, kiểm toán với ASEAN và cộng đồng Châu Âu: Cơ hội nhiều hơn thách thức	2
3	Đặng Văn Thanh	Việt Nam vẫn còn khoảng cách xa so với các nước trong vấn đề đào tạo kế toán, kiểm toán	2
4	Simon Matthews	Tham gia AEC, Việt Nam sẽ có cơ hội để phát triển nghề kế toán, kiểm toán hơn các quốc gia khác	2
CHUYÊN ĐỀ “KIỂM TOÁN KHAI KHOÁNG”			
1	Lê Thị Hoài Thu	Nhóm kiểm toán các ngành công nghiệp khai khoáng của INTOSAI và sự tham gia tích cực của KTNN Việt Nam	3
2	Lê Hoài Nam	Tiếp cận kiểm toán khai khoáng theo chuỗi giá trị và một số bài học cho Việt Nam	3
3	Nguyễn Phan Anh Hoàng Khánh Chi	Quản lý, sử dụng Quỹ Môi trường giai đoạn 2010-2014 tại Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam	3
4	Triệu Thị Thu	Vấn đề giá chuyển nhượng trong kiểm toán các ngành khai khoáng	3
CHUYÊN ĐỀ “KINH NGHIỆM KIỂM TOÁN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN DO NƯỚC NGOÀI TÀI TRỢ”			
1	Đỗ Trung Dũng	Các biện pháp cải thiện chất lượng kiểm toán đối với Chương trình, dự án do nước ngoài tài trợ	4
2	Phan Trường Giang	Một số kinh nghiệm từ cuộc kiểm toán Chương trình giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu	4
3	Nguyễn Đình Hoàn	Giải pháp để tăng cường kiểm toán hoạt động đối với Dự án phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh và Dự án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Sóc Trăng	4
4	Lịa Xuân Nghi	Kết quả kiểm toán khoản viện trợ của Chính phủ Ai Len cho Chương trình 135 giai đoạn II	4
CHUYÊN ĐỀ “KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI VIỆT NAM - THỰC TIỄN THẮNG TRÀM”			
1	Chúc Anh Tú	Cần phát huy vai trò của kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp nhà nước	5
2	Lê Đình Thắng	Việc thành lập kiểm toán nội bộ phải xuất phát từ nhu cầu tự thân của đơn vị	5
3	Trần Phương Thùy	Kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại - bài toán cần quan tâm	5
4	Phạm Thanh Huyền	Kiểm toán nội bộ tại các ngân hàng thương mại mới chỉ phát triển ở mức cơ bản...	5
CHUYÊN ĐỀ “NHẬN DIỆN NỢ CÔNG Ở VIỆT NAM ĐỂ TÌM KIẾM GIẢI PHÁP BỀN VỮNG”			
1	Nhóm nghiên cứu VEPR	Những đặc điểm nợ công ở Việt Nam	6
2	Trương Hùng Long	Thực trạng nợ công và những vấn đề đặt ra	6
3	Lê Đăng Doanh	Nợ công ở Việt Nam và những khuyến cáo với đối với các nhà hoạch định chính sách	6
4	Trần Đình Thiên	Nợ công cần được tính đúng, tính đủ và theo chuẩn mực chung	6
5	Vũ Nhữ Thắng	Giải pháp để đảm bảo bền vững nợ công	6
CHUYÊN ĐỀ “KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG - NHỮNG BÀI HỌC TỪ THỰC TIỄN”			
1	Đặng Văn Công	KTHĐ Chương trình Nhà ở xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015	7
2	Trần Văn Hòe	Một số vấn đề khi triển khai kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách cấp huyện	7
3	Trịnh Ngọc Dũng	Kiểm toán hiệu quả sử dụng NSNN - chưa đáp ứng được mục tiêu và kỳ vọng	7
4	Harry Azhaz Aziz	KTHĐ đối với công tác quản lý hành chính công - nhu cầu chung của các cơ quan Chính phủ	7
CHUYÊN ĐỀ “DỰ ÁN BOT - VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC”			
1	Đặng Văn Thanh	Đã có sự phạm lẫn nghiêm trọng khi cho rằng công trình BOT thuộc quyền sở hữu của nhà đầu tư	8
2	Vũ Đình Ánh	KTNN thực hiện kiểm toán các dự án BOT, tại sao không?	8
3	Nguyễn Minh Phong	Kiểm toán các dự án BOT chính là kiểm toán tài sản công	8
4	Nguyễn Trí Hiếu	KTNN nên vào cuộc ngay từ khi các dự án BOT được đấu thầu	8
5	Bùi Danh Liên	Đề nghị KTNN tiến hành kiểm toán tất cả các dự án BOT	8
CHUYÊN ĐỀ “ĐÀO TẠO NGHỀ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ”			
1	Võ Văn Nhị	Phải có sự thay đổi căn bản trong đào tạo kế toán, kiểm toán	9
2	Vũ Hữu Đức	Đào tạo nhân lực kế toán, kiểm toán theo nhu cầu hội nhập hay nội địa?	9
3	Phan Lê Thành Long	Kế toán, kiểm toán – nghề tạo ra giá trị trong tiến trình hội nhập	9
4	Trần Mạnh Tường	Phát triển nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán đáp ứng yêu cầu AEC	9
CHUYÊN ĐỀ “DỰ ÁN BOT TỪ GÓC NHÌN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC”			
1	Ngô Văn Quý	Dự án BOT - hiệu quả và hạn chế	10
2	Nguyễn Mạnh Cường	Những bất cập của dự án BOT và vai trò không thể thiếu của KTNN	10
3	Lưu Trường Khánh	Kết quả kiểm toán các dự án BOT và những đề xuất với cơ quan quản lý	10
4	Lê Thế Sáu	Cấp tín dụng đối với dự án BOT - Thực trạng và giải pháp	10
CHUYÊN ĐỀ “NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO KIỂM TOÁN”			
1	Hoàng Quang Hàm	Chất lượng báo cáo kiểm toán từ góc nhìn của Quốc hội	11
2	Ngô Minh Kiêm	Lập báo cáo kiểm toán - quy định và bài học kinh nghiệm	11
3	Lê Hoài Nam	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm - Những vấn đề cần hoàn thiện	11
4	Jose Oyola	Xây dựng báo cáo kiểm toán vừa là kỹ năng vừa là nghệ thuật	11

TT	TÊN TÁC GIẢ	TÊN BÀI - CHUYÊN MỤC	SỐ
CHUYÊN ĐỀ “ĐI TÌM GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN”			
1	Phạm Ngọc Tuấn	Những giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán	12
2	Nguyễn Hương Thảo	Chất lượng thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán - Hạn chế và giải pháp khắc phục	12
3	Trần Thị Lệ Hằng	Cần có chế tài đối với việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN	12
4	Vương Đình Thạch	Một số kinh nghiệm trong công tác kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán	12
TRAO ĐỔI			
1	Đặng Văn Hải	Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật KTNN (sửa đổi) đáp ứng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	3
2	Chúc Anh Tú	Bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán	3
3	Trương Hương Giang	Kiểm toán tái cơ cấu DNNN: Khó khăn và giải pháp	4
4	Phan Hữu Nghị Nguyễn Hồng Trang	Tính bền vững của cơ cấu nguồn thu ngân sách nhà nước	5
5	Trần Hoàng Hải	Bản về một số nội dung kiểm toán chủ yếu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư trong các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương	5
6	Hoàng Thúy Nguyệt	Kiểm toán xã hội: công cụ giám sát, đánh giá chỉ tiêu công dựa trên kết quả hoạt động	6
7	Nguyễn Thanh Huệ	Áp dụng phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp khi kiểm toán hồ sơ cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp	6
8	Hoàng Văn Chương	Phát hiện các hành vi tham nhũng qua hoạt động kiểm toán - khó khăn và giải pháp	7
10	Nguyễn Quỳnh Hoa	Kiểm toán nội bộ - cánh tay nối dài của các nhà quản trị doanh nghiệp	8
11	Thùy Anh	Thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ: Liệu có tăng áp lực cho biên chế?	9
12	Trần Phương Thùy	Kiểm soát nội bộ đối với chi phí của các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn	9
13	Lê Thị Thu Hằng	Thực trạng kiểm toán ước tính kế toán trên báo cáo tài chính	9
14	Đặng Văn Hải	Xây dựng Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước	10
15	Nguyễn Thanh Huệ	Áp dụng phương pháp phỏng vấn tại các cuộc kiểm toán ngân hàng thương mại	11
16	Trịnh Minh Thắng	Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối và doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối - sự khác biệt cơ bản	12
QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN			
1	Tuyết Chi	Dự án Tín dụng ngành Giao thông vận tải để cải tạo mạng lưới đường quốc gia (giai đoạn 1): Vấn đề “điệp khúc” đội vốn đầu tư và chậm đưa vào sử dụng	3
2	Tuyết Chi	Kết quả kiểm toán Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề: nhiều sai phạm được phát hiện	4
3	Thùy Lê	Kết quả kiểm toán tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012: Bài học lớn từ những dự án đầu tư thua lỗ	5
4	Thùy Lê	Vấn đề quản lý ngân sách, tiền và tài sản tại Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2013: Không thực tế và nhiều sai sót	6
5	Bắc Sơn	Dự án thủy lợi hồ chứa nước Đồng Tròn và Dự án sử dụng nước tưới sau Thủy điện Sông Hinh: Tổng mức đầu tư tăng ba năm một lần	7
6	Nguyễn Xuân Toàn	Vấn đề quản lý nguồn thu của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp dưới góc nhìn kiểm toán	7
8	Thùy Lê	Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam: Hy vọng chấm dứt tình trạng thua lỗ từ tái cơ cấu	8
9	Thùy Lê	Nợ công năm 2014 trong giới hạn cho phép nhưng tốc độ tăng nhanh	9
10	Bắc Sơn	Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2014: Vẫn còn nhiều mục tiêu không hoàn thành	9
11	Thùy Lê	Kết quả kiểm toán các tổ chức tài chính ngân hàng: Vẫn còn nhiều rủi ro từ nợ xấu	10
12	Bắc Sơn	Kết quả kiểm toán năm 2014: Những vấn đề nổi cộm trong công tác thu ngân sách nhà nước	10
13	Bắc Sơn	Hàng loạt địa phương, dự án lạm dụng vốn trái phiếu chính phủ năm 2014	11
14	Thùy Lê	Kết quả kiểm toán Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Đầu tư nhiều nhưng kém hiệu quả	12
HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ			
1	Ngọc Quỳnh	Ban Kiểm toán Liên Hợp Quốc - thành tố quan trọng đảm bảo hoạt động minh bạch cả tổ chức	2
2	Thanh Xuyên	Thị trường sáp nhập các hãng kiểm toán lớn năm 2015	3
3	Ngọc Quỳnh	SAI Kazakhstan áp dụng Chương trình chứng nhận mới nhằm nâng cao chất lượng các cuộc kiểm toán	4
4	Ngọc Quỳnh	Canada: Lỗ hổng lớn trong giám sát khai thác mỏ	5
5	Ngọc Quỳnh	Kiểm toán báo cáo tài chính 2015 của Chính phủ Hoa Kỳ: Báo cáo thanh toán sai hơn 136,7 tỷ USD tại các cơ quan liên bang	6
6	Thanh Xuyên	Nigeria: Lỗ hổng quản lý gây thất thoát lớn tại Tập đoàn Dầu khí Quốc gia	8
7	Thanh Xuyên	Anh: NAO chỉ trích Kho bạc trì hoãn giải ngân Dự án phát triển công nghệ thu giữ khí thải carbon	9
8	Ngọc Quỳnh	Từ vụ kiện PwC do không phát hiện được gian lận hàng tỷ USD: Vấn đề trách nhiệm của các công ty kiểm toán với các bên thứ ba	10
9	Thanh Xuyên	Tranh cãi trong thực hiện luân chuyển hãng kiểm toán theo chu kỳ đối với các cơ quan, tổ chức công	11
10	Hà Minh Trung	Kiểm toán mua máy bay F35 - Cuộc kiểm toán hoạt động hiệu quả	12